

BÀI I

A. 證信分

如是我聞，一時佛在
 娑竭羅龍宮，與八千
 大比丘眾，三萬二千
 菩薩摩訶薩俱。

DỊCH NGHĨA

A. PHÂN CHỨNG TÍN

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở tại Long Cung Ta Kiệt La, cùng tám ngàn chúng Đại Tỳ-kheo, ba vạn hai ngàn các vị Đại Bồ Tát đồng tụ hội.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói sáu món chứng tín, để cho chúng sanh tin thọ. Sáu món chứng tín là:

1. Tín thành tựu : Như vậy
2. Văn thành tựu : Tôi nghe
3. Thời thành tựu : Một thuở

4. Chủ thành tựu : Phật
5. Xứ thành tựu : Long cung
6. Chúng thành tựu : 8 ngàn Tỳ-kheo,
3 vạn 2 ngàn Bồ Tát.

GIẢI THÍCH

Đoạn văn này là phần mở đầu, phần tựa, cũng gọi là phần Chứng Tín. Dẫn sáu bằng chứng để làm tin cho Kinh này: Ai nói? Ai nghe? Nói lúc nào? Nói tại đâu? Vì ai mà nói? Đây là lời Ngài A Nan khi kết tập kinh điển ghi để vào.

Như vậy : Chính là chỉ Kinh này.

Tôi nghe : Ngài A Nan tự xưng, nghĩa là chính Ngài được nghe Phật nói chớ không phải bịa đặt hay nghe người khác nói lại.

Một thuở : Thời gian thích hợp Phật cần để nói Kinh này, người nói và người nghe đều được ý hiệp. Ở đây sử dĩ không ghi năm, tháng, ngày, giờ là vì mỗi quốc độ niên lịch khác nhau nên không cần ghi rõ.

Long cung : Chính chỗ Phật nói Kinh này.

Phật : Chỉ Đức Thích Ca Mâu Ni. Ngài là Giáo chủ đời hiện tại, chính Ngài nói Kinh này.

Ta Kiệt La : Trung Hoa dịch là “Hàm hải”, ở dưới biển nước mặn có cung điện Long vương, chúa của loài rồng ở đó.

Trong Kinh Phật thường nói đến loài rồng cùng với loài rồng mà thông thường người ta nói có thể

làm mây làm mưa được có khác. Theo trong Kinh Phật nói, loài rồng có: Thiên long, Không long, Lục long, Hải long. Ở đây chính là loài Hải long.

Người ta cho rằng: Long là một loài động vật có đủ Thần thông biến hóa. Các nhà động vật học khảo cứu các loài động vật ở trên lục địa về thời cổ, cũng thừa nhận là có loài long. Người ta còn cho rằng: Có một thời kỳ loài long đã làm chủ nhân ông của loài người. Hiện nay ở Phi châu, thỉnh thoảng người ta còn tìm thấy một vài di tích của loài long ở trên cạn, nên chúng ta tin chắc có loài long. Nhưng chỉ vì loài long phần nhiều hoặc ở giữa hư không hoặc dưới đáy biển, toàn là những nơi mà năng lực loài người chưa đi đến, cho nên không thể nào trực tiếp biết được.

Đức Phật và chúng Thanh Văn đại đệ tử của Phật khi xưa có năng lực tùy loại thuyết pháp, nên chỗ thuyết pháp của Phật thường thường hoặc là Thiên cung, hoặc là Long cung, hoặc là Nhân gian, hoặc trong Thiên đình. Kinh này Đức Phật nói tại Long cung của Ta Kiệt La, đồng thời có tám ngàn chúng Đại Tỳ-kheo và ba vạn hai ngàn các vị Đại Bồ Tát ở khắp mười phương đều đến dự thính.

Có pháp chúng đồng nghe đồng nhiều như thế, đủ để chúng ta tin thọ hành trì.

BÀI II

B) 正說分

I- 明世出世業果

1- 就因明果

爾時世尊告龍王言
 : 一切眾生心異故
 , 造業亦異, 由是故
 有諸趣輪轉。

2- 即果明因

龍王! 汝見此會及
 大海中, 形色是善業
 別不耶? 心造, 意
 靡不, 語業, 所致
 。

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH THUYẾT

I- NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN

1- TỪ NƠI NHÂN MÀ NÓI QUẢ

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Long Vương rằng: “Tất cả chúng sanh vì tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau, do đó nên có sự lưu chuyển các thú.

2- TỪ NƠI QUẢ MÀ NÓI RÕ NHÂN

“Này Long Vương! Nhà người có thấy ở trong hội này và các loài ở trong đại hải, hình sắc chủng loại, mỗi mỗi khác nhau không? Tất cả như thế ấy đều do tâm tạo thiện hay bất thiện nơi thân, ngữ và ý nghiệp mà gây ra”.

GIẢNG NGHĨA

Bấy giờ : Chỉ thời gian thuyết pháp.

Thế Tôn : Chỉ Đức Phật (một trong 10 hiệu: 1. Như Lai, 2. Ứng Cúng, 3. Chánh Biến Tri, 4. Minh Hạnh Túc, 5. Thiện Thệ, 6. Thế Gian Giải, 7. Vô Thượng Sĩ, 8. Điều Ngự Trượng Phu, 9. Thiên Nhân Sư, 10. Phật Thế Tôn. Nếu khai Phật và Thế Tôn ra thì thành 11 hiệu; ở trong Luận Thành Thật lại hiệp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm một thì

dúng là mười hiệu). Vì ở đời ai cũng tôn xưng nên gọi là Thế Tôn.

Long Vương : Chỉ cho vị chúa tể ở Long cung.

ĐẠI Ý

Văn trên Phật nói nghiệp quả thế và xuất thế gian. Gồm có năm đoạn. Bài này có hai đoạn:

1. Căn cứ vào nhân mà nói đến kết quả.
2. Ngay nơi quả mà Phật chỉ rõ nguyên nhân.

GIẢI THÍCH

Tâm là Tâm vương, Tướng là 51 món Tâm sở. Tâm vương, Tâm sở của chúng sanh trong Tam giới, Cửu địa, Ngũ thú, Tứ sanh không đồng nhau, nên hành vi có sai biệt, do đó mà quả báo cũng không đồng. Vì thế mà trên khuôn mặt của mỗi người không ai giống ai cả.

Ta nên biết rằng : Thân hành động, miệng nói năng, ý suy nghĩ đều do Tâm làm chủ; nên người ta thường bảo: “Hễ trong tâm thế nào thì hiện ra hành vi thế nấy”. Nếu hành động mà không dụng công của tâm thì không thành thiện ác. Hiện nay các nhà Luân lý học cũng đều thừa nhận như thế. Do vì tâm tướng không đồng nên hành vi tạo tác cũng không đồng, thành ra có nghiệp quả lưu chuyển trong năm thú khác nhau. Đoạn này là căn cứ nơi nhân mà nói rõ quả.

Qua đoạn thứ nhì, Phật bảo Long Vương hãy chăm chú nghe: Các loài tôm cá ở trong biển, hình sắc, chủng loại không đồng, quả báo cũng không đồng đều do tâm tưởng và hành vi không đồng gây ra. Chỗ xuất hiện của hành vi là thân, khẩu và ý đều có thiện và ác, nên sanh ra sự sai biệt. Đoạn này là đem quả báo để chỉ rõ nguyên nhân.

*

* *

BÀI III

3. 舉因相明

取起。同者議善界者
 見集所不作思修處見
 可法我現有不應蘊，
 不諸我所無皆。生正
 色妄無業中法幻已所端
 無虛主隨於切如知是悉
 心是無各實一性者以皆。
 而但竟雖而故自智，厭
 。畢，，，業等無

DỊCH NGHĨA

3- NÓI RÕ VỀ TƯỚNG CỦA NHÂN

Tâm không hình sắc, không thể thấy được, chỉ do các pháp hư vọng hiệp lại mà khởi, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở.

Tuy đều theo nghiệp hiện ra không đồng, mà thật trong ấy không có ai là tác giả, nên tất cả các Pháp tự tánh như huyền đều không thể nghĩ bàn.

Kẻ trí biết thế rồi, nên tu Thiện nghiệp, nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới v.v... đều được đoan chánh, người trông không chán.

GIẢNG NGHĨA

Uẩn : Ngũ uẩn : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Xứ : Thập nhị xứ : Sáu căn : Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, và Sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần.

Giới : Thập bát giới : Sáu căn, sáu trần và sáu thức.

Ba món trên này là yếu tố tạo thành thân căn và thế giới.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật nói rõ tướng trạng của nhân. Gồm có ba phần:

1. Phải quán tâm là vô sanh.

2. Quán các pháp như huyễn.
3. Khuyên nên tu học.

GIẢI THÍCH

Đoạn thứ nhất : Đức Phật nói tâm chỉ có danh từ mà không có hình sắc. Mắt không thể thấy được, tay không nắm được, chỉ vì vô thủy đến giờ gom góp các pháp hư huyễn mà sanh khởi ra sự phân biệt, huân thành chủng tử rồi khởi ra hiện hành. Ba cõi này đều do phân biệt giả dối mà hiện khởi ra, rốt ráo không có chủ thể, cũng không thể chỉ cái nào là Ngã và Ngã sở. Nếu ai chấp tâm ấy có chủ thể tức là thuộc về tà kiến (đoạn kiến và thường kiến) của ngoại đạo.

Đoạn thứ hai : Phật nói phải biết rằng, các pháp giả dối tức là chỉ cho các pháp tạo thành thân căn, thế giới như năm uẩn và bốn đại v.v... các pháp ấy như định không ai tạo thành, chỉ do nghiệp lực hiện khởi mà thôi. Nghiệp lại do tâm tạo, tâm lại do các pháp mà sanh khởi, lần lượt nương nhau như huyễn, như hóa, sanh diệt, vô thường không có gì là chắc chắn trường tồn. Vì không thể luận bàn và suy cứu nên gọi là “Bất tư nghì”.

Ngày xưa có ngoại đạo chấp rằng: Vạn vật do vị Đại Tự Tại Thiên tạo thành, ngày nay thì Gia Tô giáo cũng cho rằng: Tất cả đều do Thượng Đế tạo ra và làm chúa tể. Đối với Phật giáo, nếu nói như thế đều là vọng chấp sai lầm. Theo Đạo Phật thì tất cả quả báo khổ hay vui đều do 10 nghiệp thiện hay bất

thiện mà thôi, nhưng phải biết tự tánh của nghiệp quả là hư huyễn, vì do nhân duyên cấu hợp, sanh diệt vô thường. Như trong Kinh Bát Nhã nói về Chơn không; Pháp tướng Duy thức nói về giả hữu, thật là bao trùm không sót vậy.

Đoạn thứ ba : Đã biết nghiệp tánh không phải nhứt định, thế giới cũng không phải là vật chết hẳn một bề. Các pháp đều là hư huyễn, không chủ tử, cho nên cần phải chuyên tu Thiện nghiệp, dứt trừ ác nghiệp để tạo nên thế giới và thân tướng trang nghiêm, khiến chúng sanh trông thấy thì sanh lòng hoan hỷ ngưỡng mộ.

*

* *

BÀI IV

4- 舉果相證

龍王！汝觀佛身，
 從百千億福德所生，
 諸相莊嚴；設光明顯，
 蔽在梵王瞻目，如來復現者，
 自其豈不又觀此淨業，
 ，汝妙修習善福，諸大菩薩
 由修習善福，諸大菩薩皆生。

又諸天龍八部眾等
 , 大威勢者, 亦因善
 業福德所生。

今大海中所有眾生
 , 形色, 麤鄙, 或大
 或小, 皆由自心種種
 想念作身語意諸不善
 業, 是故隨業, 各自
 受報。

DỊCH NGHĨA

4- ĐEM TƯỚNG CỦA NGHIỆP QUẢ ĐỂ CHỨNG MINH

Này Long Vương ! Người xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức mà sanh ra, các tướng trang nghiêm, ánh quang sáng chói che cả đại chúng, dù vô lượng ức các vị Tự Tại, Phạm Vương đều không thể hiển hiện được. Những ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai, không ai là chẳng chóa mắt.

Người lại xem các vị Đại Bồ Tát đây, diệu sắc trang nghiêm, tất cả đều do tu tập phước đức thiện

ngiệp mà sanh ra.

Lại nữa, các hàng Thiên Long Bát bộ, thấy có oai thế lớn lao, cũng nhân phúc đức của Thiện nghiệp mà sanh.

Nay đây, các chúng sanh ở trong đại hải, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ đều do hết thấy tướng niệm của tự tâm gây ra bởi thân, ngữ, ý các nghiệp bất thiện, nên tùy theo chỗ gây nghiệp mà thọ quả báo.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật đem tướng nghiệp quả của Phật, Bồ Tát, hàng Thiên Long, Bát bộ và các loài thủy tộc để chứng minh.

GIẢI THÍCH

Thân Phật là do trăm ngàn muôn ức phúc đức, trí huệ sanh ra, cho nên có 32 tướng tốt, trăm phước trang nghiêm, hào quang chói rạng; hàng chư Thiên, Long vương tuy cũng đều có hào quang sáng suốt, nhưng một khi trông thấy hào quang của Phật không thể nào hiện ra được. Ở trong các cảnh Trời, hào quang sáng như là cảnh Đại Tự Tại Thiên và Phạm Vương Thiên, nhưng đều không sánh kịp với hào quang của Phật.

Sắc tướng tốt đẹp, hào quang sáng suốt của hàng Bồ Tát cũng đều do tu tập phúc đức Thiện nghiệp mà thành.

Thiên Long, Bát bộ và A-tu-la. Các loài ấy sở dĩ có oai thế cũng đều do nhân tu tập một ít phúc đức Thiện nghiệp. Cho nên muốn được hưởng cảnh giới an vui tốt đẹp, cần nhất chúng ta phải vun trồng phúc đức Thiện nghiệp.

Còn như các loài cá, trạch, tôm, hến ở biển hoặc lớn, hoặc nhỏ, hình sắc thô xấu, tanh hôi đều bởi tướng niệm không đồng của tự tâm, phát ra nơi thân, ngũ, ý những nghiệp không lành cho nên phải chịu báo thân xấu xa như vậy.

Ba đoạn trên căn cứ vào quả báo các nghiệp lành mà nói, còn đoạn dưới là đem các quả báo ác nghiệp để chứng minh.

*

* *

BÀI V

5- 結 勸 修 學

汝 今 常 應 如 是 修 學
 , 亦 令 眾 生 了 達 因 果
 , 修 習 善 業 。 汝 當 因
 此 正 見 不 動 , 勿 復 墮
 在 斷 常 見 中 ! 於 諸 福
 田 歡 喜 敬 養 , 是 故 汝
 等 亦 得 人 天 尊 敬 供 養
 。

DỊCH NGHĨA

5- KHUYẾN TU HỌC

Người nay thường nên như thế mà tu học, cũng khiến cho chúng sanh rõ thấu nhân quả, tu tập Thiện nghiệp. Người nên y đây chánh kiến bất động, lại chớ dựa vào trong tà kiến đoạn thường. Đối với những bậc phước điền hoan hỷ cung kính

cúng dường, như thế các người cũng được Nhơn, Thiên tôn trọng cung kính cúng dường.

GIẢNG NGHĨA

Phước điền : Những đám ruộng có thể gieo trồng phước đức (lời dụ). Có 3 thứ:

1) Kinh điền: Đối với Phật và Bồ Tát nên cung kính cúng dường sẽ được phước.

2) Ân điền: Đối với những bậc như cha mẹ, thầy bạn rất có ân với mình, nếu hiếu thuận cúng dường sẽ được phước lớn.

3) Bi điền: Đối với chúng sanh khổ não, thương xót cứu giúp thì sẽ được phước đức.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật khuyên chúng sanh nên y theo Chánh pháp mà tu tập.

GIẢI THÍCH

Người tu hành cốt yếu là dùng chánh kiến, rõ thấu luật nhân quả mà tu tập Thiện nghiệp, không bị tà kiến rối loạn. Tà kiến tức là chấp đoạn, chấp thường.

Chấp đoạn : Chấp rằng ở đời chẳng qua may rủi, thế giới chúng sanh chỉ do vật chất cấu tạo, khi chết là hết, nên không tin nhân quả, buông lung làm ác, chẳng sợ nghiệp báo về sau.

Chấp thường : Chấp sự vật đều là thường còn như định. Như chấp rằng : hễ người thì đời đời kiếp kiếp

là người; trâu, ngựa thì đời đời kiếp kiếp là trâu, ngựa; gây nghiệp lành dữ chẳng có can hệ gì đến sự khổ vui của thân này hay thân khác. Vì tà kiến ấy mà không tin nhân quả, tha hồ làm điều tội ác.

Nay muốn chuyên tu Thiện nghiệp chẳng lạc vào tà kiến thì cần phải quan sát: thân là vô thường, tâm không chủ tử, các pháp đều như huyễn như hóa. Tùy tâm tạo nghiệp gì thì theo nghiệp ấy mà thọ quả báo. Có thể mới gọi là hiểu rõ được chơn tướng của nhân quả. Và đối với ba thứ phúc điền nên vui vẻ cúng dường thì sẽ được những lạc quả, Nhân Thiên tôn kính cúng dường.

*

* *

BÀI VI

II. 正明十善業道

1. 顯善法用

薩一切為念令，雜永常及
 菩一等常，長間惡，薩
 ！斷何夜法增善諸滿菩
 知能。晝善念不令圓佛
 當，苦於察念分能法諸。
 王法道謂觀法毫即善近眾
 龍一惡？惟善容是，親聖
 有諸一思諸不，斷得餘

2) 釋善法名

言善法者：謂人天
身，聲聞菩提，獨覺
菩提，無上菩提，皆得
依此法以為根本而得
成就，故名善法。

DỊCH NGHĨA

II. CHÁNH THUYẾT MINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

1. HIỂN BÀY CÔNG DỤNG CỦA THIÊN PHÁP

Long Vương nên biết ! Bồ Tát có một pháp có thể dứt tất cả các khổ ác đạo. Thế nào là một? - Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng, không để một mảy may bất thiện xen lẫn vào, tức là hay khiến cho các ác pháp hằng dứt, thiện pháp viên mãn, thường được gần gũi chư Phật, Bồ Tát và các Thánh chúng.

2. GIẢI THÍCH TÊN THIÊN PHÁP

Thiên Pháp là gì ? – Là thân của Người và Trời, Thanh Văn Bồ-đề, Độc Giác Bồ-đề, Vô-thượng Bồ-đề đều y pháp này làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là Thiên Pháp.

GIẢNG NGHĨA

Thanh Văn : Những vị ra đời gặp Phật, nghe Phật giảng pháp Tứ đế mà được ngộ Đạo (nghe tiếng tám thuyết pháp). Thanh Văn có chia làm 4 bậc :

1) *Tu Đà Hoàn* (Srotàpanna-phala, Baly: Stotàpanna-phala) : Trung Hoa dịch là : Nhập lưu, Dự lưu, Nghịch lưu. Quả này đã đoạn 88 món sử phiền não thuộc về kiến hoặc, được dự vào dòng chơn tánh của Thánh nhân, nên gọi là: “Nghịch dòng sanh tử thuận bờ Niết-bàn”, vị này còn phải 7 phen sanh tử nữa (mới chứng được quả A-la-hán) nên cũng gọi là Thất lai.

2) *Tu Đà Hàm* (Sakrdàgàmi) : Trung Hoa dịch là Nhứt lai. Đối trong 9 phẩm Tư hoặc ở cõi Dục đã đoạn 6 phẩm trước, còn lại 3 phẩm sau nên phải còn một phen sanh tử ở cõi Dục nữa mới dứt hết được.

3) *A Na Hàm* (Angàmi) : Dịch là Bất hoàn. Quả này đã đoạn được 9 phẩm Tư hoặc ở Dục giới nên không còn thọ sanh ở Dục giới nữa, nhưng còn 72 phẩm Tư hoặc trong tám địa của Sắc giới và Vô Sắc giới (tám địa tức là tám địa sau cùng trong cửu địa).

Cửu địa cũng là cửu hữu). Quả vị này chưa lìa hai cõi, còn phải tu định mới dứt được.

4) *A-la-hán* (Arahat): Dịch là Sát tặc, Vô sanh, Ứng cúng. Nghĩa là quả vị này đã giết hết giặc phiền não, không bao giờ còn thọ khổ sanh tử trong Tam giới nữa, đáng thọ sự cúng dường của Nhân, Thiên.

Độc Giác : Cũng gọi là Duyên Giác tức là Bích Chi Phật (Pratyekabuddha): cựu dịch là Bích Chi Phật hay Bích Chi Ca La; tân dịch là Bát Thích Ế Già Phật Đà (cựu dịch: Duyên Giác; tân dịch: Độc Giác). Duyên Giác: ra đời gặp Phật, theo lời Phật dạy quán 12 nhân duyên mà được ngộ Đạo. Độc Giác: Ra đời không gặp Phật, hoặc quán 12 nhân duyên, hoặc quán hoa rơi, lá rụng mà tự ngộ Đạo.

ĐẠI Ý

Đoạn này có chia làm hai phần :

- 1) Hiến bày công dụng của 10 món Thiện pháp.
- 2) Giải thích vì sao gọi 10 món này được tên là Thiện pháp.

GIẢI THÍCH

Thường thường nhớ nghĩ quán sát Thiện pháp thì tâm được thiện, tức là ác nghiệp không sanh; không gây ác nghiệp tức là không chịu quả báo. Như thế chuyên tâm quán sát chớ để cho một mảy may ác nghiệp chen vào, lần lần thiện pháp viên mãn. Thiện

pháp viên mãn thì được thân cận các hàng Đại Bồ Tát, bậc bạn với các bậc Thánh Hiền, sẽ cùng nhau chung ở cảnh giới trang nghiêm Cực Lạc.

Sở dĩ được tên Thiên pháp là vì thân của Nhơn đạo, Thiên đạo, năm phần Pháp thân của Thanh Văn Tiểu thừa (giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến), Pháp thân Bồ-đề của hàng Độc Giác Trung thừa và Pháp thân Vô Thượng Bồ-đề của Đại thừa, tất cả quả báo tốt đẹp an lạc của thế và xuất thế gian đều lấy 10 Pháp này làm căn bản, nên gọi là Thiên pháp.

*

* *

BÀI VII

3- 出善法相

此法即是十善業道
 ○ 何等為十？謂能永
 離殺生，偷盜，邪行
 ，妄語，兩舌，惡口
 ，綺語，貪欲，瞋恚
 ，邪見。

DỊCH NGHĨA

3- TRÌNH BÀY HÀNH TƯỚNG THIÊN PHÁP

Thiên Pháp đây tức là con đường mười Thiện nghiệp. Những gì là mười ? - Là hằng lìa sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật trình bày cho chúng ta biết qua hành tướng của 10 Thiện nghiệp.

GIẢI THÍCH

Căn bản thiện pháp thế và xuất thế gian tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo, Thập Thiện nghiệp đạo chính là ở nơi thân mình chớ không phải tìm đâu xa. Nhờ con đường rộng rãi, sáng suốt này mà đến được lạc quả thế và xuất thế. Từ sát sanh cho đến tà kiến là mười ác nghiệp. Sở dĩ gọi là Thập thiện là căn cứ vào hai chữ “hằng lià”. Hai chữ “hằng lià” đây là cả một công phu chẳng dễ. Nếu như trong nhút thời lià sự sát sanh, sau vẫn làm việc sát; đời nay tuy có thể không sát, đến đời sau hoặc lại sát, như thế chẳng thể gọi là “hằng lià”. Cần yếu là từ đời này kiếp nọ đến tận vị lai kiếp cũng không còn mong nghĩ sự giết hại. Như thế chỉ có đến quả vị A-la-hán mới được gọi là “hằng lià”.

Sát sanh : Giết hại chúng sanh là dứt ngang mạng sống của kẻ khác. Tự mình cầm khí giới hoặc miệng mình sai bảo, hoặc thấy sự giết hại mà ý mình sanh hoan hỷ, cũng đều là nghiệp sát sanh cả. Mười nghiệp ác này căn cứ vào nội tâm ngoại cảnh và thời gian để phân biệt sự nặng nhẹ khác nhau. Nay đơn cử một nghiệp sát làm thí dụ. Từ trên động cơ nội tâm có thể chia làm ba hạng:

1. Vì tâm sân hận, biết mà cố sát thì tội rất nặng.
2. Tuy có sự sân hận khích động mà nội tâm ám muội, hoặc nội tâm tuy rõ ràng mà không sân hận là bậc trung.

3. Tâm không sân hận, không hiểu biết, giết lầm là tội rất nhẹ.

Đối với ngoại cảnh cũng có 3 hạng nặng nhẹ không đồng:

1. Như phá hủy thân Phật, giết hại các bậc Thánh nhân, A-la-hán, giết cha, mẹ và các người ân nhân là tội nặng nhưt.

2. Giết những người ngang hàng là bậc trung.

3. Giết các loài chúng sanh khác là tội nhẹ.

Đối với thời gian móng tâm giết hại cũng có nặng nhẹ khác nhau:

1. Như trước khi chưa giết có ý ưa vui với sự giết, sau khi giết vui vẻ không hối hận là nặng nhưt.

2. Nếu trước khi không móng ý giết, khi giết rồi sanh lòng hối hận là bậc trung.

3. Còn không có lòng sân hận giết lầm và sau khi giết ăn năn là tội nhẹ.

Muốn tránh xa nghiệp sát, cần phải y theo Giới, Định và Huệ thứ lớp mà tu tập, trước nương theo giới mà dứt nghiệp sát thô trọng ở nơi thân không làm sự giết hại, rồi tu thiền định làm tâm không móng khởi giết hại, nhưng chưa thể dứt hết được, nên cần phải tu huệ để dứt sạch chủng tử tập khí từ vô thủy đến nay. Như thế bao giờ đến Phật quả mới hoàn toàn dứt hẳn nghiệp sát.

Trộm cắp : Lấy sức mạnh cướp bóc của người, hoặc trộm lén lấy của người, hoặc bày phương kế xảo trá lừa gạt mà lấy của người, cho đến vô công ngồi hưởng, đều thuộc về trộm cắp cả. Nghiệp trộm cắp này tội nặng nhẹ cũng như nghiệp sát sanh trên kia. Tám nghiệp sau đây cũng có thể căn cứ vào lý mà phán đoán nặng nhẹ.

Tà hạnh : Tà hạnh tức chỉ sự dâm dục. Theo thế gian, việc vợ chồng chính thức phối hợp gọi là chánh hạnh, ngoài ra là tà. Đó chỉ nói về phần thô thiển. Nếu sâu hơn nữa thì tất cả chúng sanh trong Dục giới đều do dâm dục mà có tánh mạng, cho nên đối với cảnh ngũ dục sanh lòng say đắm đều thuộc về tà hạnh cả. Người tu hành thoát ly được Dục giới mới chế ngự được dâm dục và khi chứng được A-la-hán quả mới là cứu cánh ly dục.

Ba nghiệp trên thuộc về Thân nghiệp.

Vọng ngữ : Tức là lời nói dối trá, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, biết nói không biết, không biết nói biết, xấu nói tốt, tốt nói xấu cho đến có nói không, phải nói quấy v.v... dối trá không thật. Ở trong Phật pháp rất kỵ là đại vọng ngữ, nghĩa là tu hành chưa được mà tự xưng là được, chưa chứng mà tự nói là chứng. Nếu ai phạm đại vọng ngữ, quyết định sa về tà đạo, đọa lạc tam đồ, rất là nguy hiểm.

Bồ Tát tu hạnh lợi tha, gặp trường hợp đặc biệt có thể phương tiện nói dối như trong Kinh Bồ Tát Giới

đã chỉ rõ. Xa lánh vọng ngữ tức là phải chơn tu thật ngữ vậy.

Lưỡng thiệt : Tức là nói lời chia rẽ phản gián, đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, xúi giục bà con bất hòa, thân tình thù oán. Xưa nay các nhà du thuyết đều thuộc về loại này cả. Thật là tai hại! Muốn xa lánh “lời nói ly gián” tức phải tu “lời nói hòa hiệp”.

Ác khẩu : Tức là lời nói thô tục, mắng nhiếc trừ rửa... do chữ mắng mà đi đến đánh đập giết hại, nhỏ từ cá nhân, rộng đến gia đình, xã hội, cho đến quốc tế chiến tranh, sự tai hại cũng không phải nhỏ. Muốn xa lìa lời nói thô tục phải tu lời nói “nhu hòa”.

Ý ngữ : Tức là lời nói vô nghĩa lý, nghĩa là trau chuốt lời nói khiến cho người ta tán gia bại sản, là lời nói khiến người ta đi đến hầm tội lỗi. Xa lìa tánh ý ngữ tức là lời nói đúng nghĩa lý.

Bốn nghiệp trên là lời nói thuộc về ngữ nghiệp. Thông thường người ta bảo là khẩu nghiệp, nhưng khẩu nghiệp không hết nghĩa, vì miệng chỉ là một khí cụ của lời nói mà thôi, cho nên phải nói ngữ nghiệp mới hết ý.

Tham dục : Dục tức là những cảnh dục lạc ở đời, đối cảnh sanh lòng tham muốn nên gọi là tham dục. Tham dục là nhân cốt yếu của đường sanh tử nên phải đoạn tuyệt. Nhưng lòng tham dục không phải là xấu xa tội lỗi, nếu đối với thiện pháp mà sanh lòng tham muốn thực hành thì lại là một điều đáng quý.

Sân hận : Đối với cảnh vừa ý thì sanh lòng ưa thích, đối với cảnh trái ý thì lại sanh tâm giận tức. Lỗi của lòng sân hận không phải nhỏ. Kinh nói: *“Nhứt niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai”* (Tâm sân một niệm nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chương đều mở). Tuy nhiên, nghiệp sân này chỉ ở Dục giới, nếu tu tập Thiên định và Tứ vô lượng tâm thì sẽ tiêu dứt, nên cõi Sắc và Vô Sắc không còn sân hận.

Tà kiến : Thông thường gọi là ngu si, nhưng chữ ngu si không đủ nghĩa. Vì chữ ngu si là không hiểu lý lẽ. Đàng này có hiểu biết mà không hợp với chơn lý, không đúng với lẽ phải của Trung đạo, chỉ chấp chặt một bên mà cho đó là phải, nên nói là “tà kiến” mới sát nghĩa. Nay muốn xa lìa sự nhận thức sai lầm cần phải tu Thiên định, nhờ đó mà phát sanh trí huệ, tăng trưởng chánh kiến, đi đến quả Thiện viên mãn.

Ba nghiệp trên thuộc về Ý nghiệp.

*

* *

BÀI VIII

III- 明十善業功德

1- 明離殺生功德

龍王！若離殺生，
 即得成就十無起一切常遠所夢滅除，
 何等為普眾生永斷，壽命人無八自怨
 何眾常三氣五恒七快，眾
 ，○諸，○習，○病，○護，○覺結無
 二心恚。六，○守，○寢，○怨，○無
 慈。瞋無。○守，○寢，○怨，○無
 畏大。一切常遠所夢滅除。九，
 一。無起一切常遠所夢滅除。九，
 ？無起一切常遠所夢滅除。九，
 ！無起一切常遠所夢滅除。九，
 ！無起一切常遠所夢滅除。九，
 ！無起一切常遠所夢滅除。九，

惡道怖。十，命終生
 天。是為十。若能迴
 向阿耨多羅三藐三菩
 提者，後成佛時，得
 佛隨心自在壽命

DỊCH NGHĨA

III- CÔNG ĐỨC CỦA MƯỜI THIÊN NGHIỆP

1- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP SÁT

Long Vương ! Nếu xa lìa sát sanh thời được thành tựu 10 pháp không còn bức nào. Những gì là mười ?

1. Đối với chúng sanh cùng khắp bố thí đức Vô úy.
2. Thường khởi lòng Đại từ đối với các chúng sanh.
3. Dứt sạch tất cả tập khí giận hờn.
4. Thân thường không bệnh.
5. Mệnh sống lâu dài.
6. Thường được phi nhơn (quỷ thần) ủng hộ.
7. Thường không ác mộng, thức ngủ an vui.
8. Diệt trừ oán nghiệp, oán thù tự giải.
9. Không sợ sa đường dữ.

10. Khi chết sanh lên cõi trời.

Ấy là mười công đức.

Nếu hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại.

GIẢNG NGHĨA

Tập khí : Thói quen, cũng gọi là “chủng tử”: Tất cả những hành vi thiện ác từ vô thủy đến giờ luân chuyển phát khởi cũng như hạt giống gieo đi gặt lại không bao giờ dứt.

Phi nhân : Những loài hình dáng như người mà không phải người. Như loài quỷ thần.

Ác mộng : Chiêm bao thấy những điều dữ.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật dạy nếu ai xa lìa nghiệp sát sẽ được mười điều công đức.

GIẢI THÍCH

Muốn cứu cánh mười Thiện nghiệp, cần phải xa lìa hẳn mười ác nghiệp. Lìa được một ác nghiệp, tức là trừ bỏ được bao nhiêu phiền não, lại thành tựu được bao nhiêu công đức. Như xa lìa nghiệp sát sanh tức trừ bỏ tất cả các pháp hung ác, được đến cảnh giới an vui cõi Người cõi Trời, thường sanh khởi lòng Đại từ, dứt bỏ lòng sân hận, làm cho tất cả chúng sanh trông

thấy không sanh lòng sợ hãi; chính là đức bố thí Đại Vô úy. Như thế, sanh tiền sẽ được không bệnh, trường thọ, đêm ngày an vui, lại được hàng Phi nhơn: Thiên, Long, quỷ thần ủng hộ; khi chết không kinh sợ đọa lạc vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Xa lìa nghiệp sát sanh tức là tu hạnh Vô úy, lại được sanh về các cõi Trời. Nếu ai đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sau khi thành Phật thọ mạng bao lâu tùy theo ý muốn của Phật. Nói đến Chơn thân của Phật thì bình đẳng như hư không, cùng khắp cả pháp giới, thọ mạng vô cùng tận, còn ở đây chỉ là nói Ứng thân ở đời hoặc dài hoặc ngắn bất định, theo cơ cảm của chúng sanh mà ở đời hay nhập diệt, đều từ Tâm tự tại, chứ không bị hoàn cảnh nghiệp lực bắt buộc. Như Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Thích Ca vậy.

*

* *

BÀI IX

2-離偷盜功德

復次龍王！若離偷
 盜，即得十種！若離保
 法。○何等積子人負五善無安○十
 資財非多欺○六處無○
 及二人讚○美○眾力缺○
 二人讚○美○眾力缺○
 命足意○

是為十。若能迴向阿
耨多羅三藐三菩提者
，後成佛時得證清淨
大菩提智。

DỊCH NGHĨA

2- CÔNG ĐỨC XA LÌA TRỘM CẤP

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa trộm cắp thời được mười Pháp bảo tín. Những gì là mười ?

1. Giàu có của cải: Vua, giặc, nước, lửa và con hư không thể phá diệt.
2. Nhiều người thương mến.
3. Người không phụ gạt.
4. Mười phương khen ngợi.
5. Không lo tổn hại.
6. Tiếng tốt đồn khắp.
7. Ở trong đại chúng không hề sợ hãi.
8. Của cải, tánh mạng, hình sắc, sức lực, an vui, biện tài đầy đủ không thiếu.
9. Thường sẵn lòng bố thí.
10. Mạng chết sanh lên cõi trời. Ấy là mười.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được chứng Trí thanh tịnh Đại Bồ-đề.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói nếu ai xa lìa trộm cướp chẳng những được mười Pháp bảo tín mà còn được Trí Đại Bồ-đề thanh tịnh, nếu chúng ta biết hồi hướng về quả vị Phật.

GIẢI THÍCH

Cửa cải ở đời có năm việc làm tiêu tan nghèo khổ: vua dữ, giặc cướp, nước trôi, lửa cháy và con hư phá tán. Nếu ai xa tránh được trộm cắp tức là thường được quả báo tốt: cửa cải giàu có, không bị năm việc trên phá hại, lại được tiếng tốt đồn khắp, biện tài vô ngại, được mọi người thương mến khen ngợi, không bị ai dối lừa, khi chết được sanh lên cõi Trời. Nếu phát tâm đem công đức ấy hướng về quả Phật, sau khi thành Phật chúng được Trí thanh tịnh Đại Bồ-đề.

*

* *

BÀI X

3) 明離邪行功德

復次龍王！若離邪
 行，即得四種智所讚
 法。何等為四？一，
 諸根調順。二，永離
 諠掉。三，世所稱讚
 。四，妻莫能侵。是
 為四。若莫能迴向阿
 多羅三藐三佛時得
 後成三佛時得。夫
 密藏相。

DỊCH NGHĨA

3- CÔNG ĐỨC XA LÌA TÀ HẠNH (TÀ DÂM)

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tà hạnh thì được bốn Pháp kể trí ngợi khen. Những gì là bốn ?

1. Các căn điều thuận.
2. Xa lìa rộn ràng.
3. Được đời khen ngợi.
4. Vợ (hay chồng) không ai xâm phạm. Ấy là bốn.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tướng Trượng phu ẩn mật tàng của Phật.

GIẢNG NGHĨA

Các căn : chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Điều thuận : Hòa thuận, không trái nghịch nhau.

Rộn ràng : Không yên tĩnh trong tâm.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Nếu xa lìa tà hạnh chẳng những được bốn pháp kể trí ngợi khen mà còn được tướng Trượng phu ẩn mật tàng của Phật, nếu ta đem công đức ấy hướng về Phật quả.

GIẢI THÍCH

Nếu người tu hành xa lìa tà hạnh là được thân tâm thanh tịnh, vợ chồng trinh bạch, không bị người ngoài xâm phạm. Nếu hồi hướng về quả Phật, tức được tướng Phật ẩn mật Đại Trượng phu (một trong ba mươi hai tướng, tức là tướng mã âm tàng).

*

* *

BÀI XI

4) 明離妄語功德

復次龍王！若離妄
 語，即得八種天所讚
 法口常清淨，為諸世
 二伏人愛得。六歡喜
 三敬安意，喜。愛慰樂言。

常，即何清為三敬安意，喜。

龍得等淨諸，愛慰樂言。

王八為優世發。眾，無七

！種八鉢間言四生三誤，

若天？花之成，業失發

離所一香所證常五清，言

妄讚，○信，以，淨心尊

重，人天奉行。八，
 智慧殊勝無能制伏。
 是為八。若能迴向阿
 耨多羅三藐三菩提者
 ，後成佛時，即得如
 來真實語。

DỊCH NGHĨA

4. CÔNG ĐỨC XA LÌA VỌNG NGŨ

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa vọng ngữ thì được tám Pháp trời khen ngợi. Những gì là tám?

1. Miệng thường thanh tịnh, thơm mùi hoa ưu bát.

2. Được người đời tín phục.

3. Mở lời thành chứng, Như Thiên kính mến.

4. Thường đem lời êm dịu an ủi chúng sanh.

5. Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.

6. Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ.

7. Mở lời tôn trọng, Như Thiên vâng làm.

8. Trí huệ thù thắng, không ai chế phục.

Ấy là tám công đức về hạnh không nói dối. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ-đề, sau khi thành Phật được chơn thật ngữ của Như Lai.

GIẢNG NGHĨA

Hoa Ưu Bát : Tức là hoa sen xanh, một thứ hoa có hương vị thanh cao, dịu dàng. Hoa này cũng gọi hoa Ưu Bát La (Utpala) hay nói đủ hơn là Ni-la Ưu-bát-la (Nila-Utpala).

ĐẠI Ý

Đoạn này nói, ai xa lìa được vọng ngữ chẳng những được tám Pháp công đức mà còn được chơn thật ngữ của Như Lai, nếu biết đem công đức này hồi hướng về Phật quả.

GIẢI THÍCH

Nếu chúng sanh xa lìa được lời dối trá, thời được quả báo trong miệng thường thơm mùi hoa sen xanh. Nói lời chắc thật, không sai lầm. Ai nghe cũng khởi lòng tin, lại hay đem lời dịu ngọt an ủi chúng sanh khiến cho tôn trọng vâng làm, được Trời và Người kính mến, trí huệ thường sáng suốt, được Vô ngại biện tài. Nếu ai đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì khi thành Phật, được quả “Như Lai chơn thật ngữ”.

*

* *

BÀI XII

5. 明離兩舌功德

復次龍王！若離兩舌，即得五種不可壞。何等為五？一、無能害屬，故不修壞。二、得身，不壞。三、業行，得惑迴。無能破，故順本。法五不若。堅固，故識五。善是。

耨多羅三藐三菩提者
 ， 後成佛時，得正眷
 屬，諸魔外道不能沮
 壞。

DỊCH NGHĨA

5- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP HAI LƯỠI

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa nghiệp hai lưỡi, thì được năm Pháp không thể phá hoại. Những gì là năm ?

1. Được thân bất hoại, không ai hại được.
2. Được bà con bất hoại, không ai phá hại.
3. Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp.
4. Được Pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố.
5. Được Thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau.

Ấy là năm Pháp bất hoại.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, sau khi thành Phật, được quyến thuộc chơn chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

GIẢNG NGHĨA

Bản nghiệp : Việc làm theo chí nguyện của mình.

Pháp hạnh : Hạnh nghiệp trong Phật pháp.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa nghiệp hai lối chẳng những được năm Pháp bất hoại mà còn được quyền thuộc chơn chánh trong quả vị Phật sau này.

GIẢI THÍCH

Hai lối rất dễ phá hoại công việc của người khác. Nếu ai giữ gìn không phạm nghiệp hai lối, không nói lời chia rẽ, thì sẽ được quả tốt: tự thân, bà con, lòng tin pháp tu hành, Thiện tri thức, năm món công đức ấy không ai có thể phá hoại được. Nếu ta đem công đức ấy hồi hướng quả vị Vô Thượng Bồ-đề, thì sau khi thành Phật, được các hàng Bồ Tát làm quyền thuộc, chúng ma vương ngoại đạo không thể phá hoại được.

*

* *

BÀI XIII

6) 明離惡口功德

惡業言利。則譏是耨，來
 離淨，皆理。五言可。阿者如
 若種一言契。六言愛迴菩提足
 ！八？必妙。言愛迴菩提具
 王就八二言美。盡能三，
 龍成為。詞領七言若藐時相
 次得等度三言承。三佛聲
 復即何乖。三言承。三佛聲
 口。不益四言信。為多後梵

DỊCH NGHĨA

6- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP ÁC KHẨU

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám ?

1. Lời nói không trái pháp độ.
2. Lời nói có ích lợi.
3. Lời nói quyết hợp lý.
4. Lời nói đẹp đẽ.
5. Lời nói thừa lãnh được.
6. Lời nói được tín dụng.
7. Lời nói không thể chê.
8. Lời nói được ưa thích.

Ấy là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, đầy đủ Phạm âm thanh tướng của Như Lai.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa ác khẩu sẽ được tám món tịnh nghiệp, và nếu biết hướng về quả Phật thì sẽ được Phạm âm thanh tướng của Như Lai.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lìa lời nói thô ác, tức thời thành tựu tám món tịnh nghiệp: Lời nói không trái pháp độ, khi nào

cũng nói lời có lợi ích, không nói thì thôi, hễ nói thì hợp lý. Lời nói nghe rất đẹp đẽ. Nói lời gì cũng được người lãnh thọ. Lời nói ai cũng tín dụng. Lời nói không bị chê bai. Nói ra thì người ưa thích vui vẻ. Nếu đem công đức này hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ-đề, sau khi thành Phật sẽ đầy đủ Phạm âm thanh tướng (Phạm âm là tiếng nói trong diệu, lạnh lạnh, ấy là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật).

*

* *

BÀI XIV

7. 明離綺語功德

復次龍王！若離綺語，即得成就三種決定。何等為三？一，定為智人所愛。二，定能以智如實答問。三，定於人天威德最為勝，無有虛妄。是為三。若能有迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得如來所記皆不唐捐。

DỊCH NGHĨA**7- CÔNG ĐỨC XA LIA Ỡ NGŨ (NÓI THÊU DỆT)**

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lia ỡ ngữ, thì thành tựu được ba món quyết định. Những gì là ba ?

1) Quyết định được người trí ưa thích.

2) Quyết định có thể dùng trí như thật, đáp các lời hỏi.

3) Quyết định có oai đức tối thắng đối với nhân thiên, không hư vọng.

Ấy là ba món quyết định. Nếu đem hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được Như Lai thọ ký chẳng có luống dối.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Nếu xa lia ỡ ngữ sẽ được ba món quyết định và nếu biết đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sẽ được Phật thọ ký.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lia sự trau chuốt lời nói, câu văn, thêu dệt xảo trá thì được ba món quyết định:

1) Được người trí yêu mến. Vì ỡ ngữ là lời nói thêu dệt, vô nghĩa lý, chỉ có thể lừa dối người ngu si, chứ người trí nghe lừa dối phải nhàm chán. Nay xa lia nghiệp ỡ ngữ, cố nhiên được người trí yêu mến.

2) Hay đem trí như thật mà đáp lời các người hỏi, lời đáp ấy phải như sự thật, mới giải được sự ngờ vực.

3) Quyết định ở cõi Nhơn Thiên nào, oai đức cũng thù thắng hơn người không hư vọng. Nghĩa là nói đúng với sự thật, tức là đại hùng biện hơn hết. Nói năng muốn tránh nghiệp ỷ ngữ bao giờ cũng căn cứ vào chơn lý thành thật mà nói, nên ai nghe đến cũng phải cảm phục oai đức. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Vô Thượng Bồ-đề, thì khi thành Phật được công đức Như Lai thọ ký, đều đúng như lời, không giả dối. Thọ ký là một công đức của Phật thường đối với hàng đệ tử dạy những lời thọ ký: bao giờ sẽ thành Phật, hoặc bao giờ sẽ đọa địa ngục và những sự kiết hung họa phước v.v... đều đúng như lời nói, không sai lầm. Nhưng đó là do sự hiểu biết đúng thật, như sự thật ấy mà nói ra, chứ không phải chủ thể thưởng phạt như người tin vào Thượng Đế. Chẳng lường dối, nghĩa là không phải nói suông.

*

* *

BÀI XV

8. 明 離 貪 欲 功 德

貪在三故一，欲王皆之殊
 離自，足，三所，物獲倍
 若種一具在。心四妙所百
 ！五？根自故隨。奇，求
 王就五諸物奪，故珍五所
 龍成為，財不在備，。本
 次得等在，賊自皆在故過
 復即何自二怨德物自獻，
 欲。業。切福，位奉物

勝，由於昔時不慳嫉
 故。是為五。若能迴
 向阿耨多羅三藐三菩
 提者，後成佛時，三
 界特尊，皆共敬養。

DỊCH NGHĨA

8- CÔNG ĐỨC XA LÌA THAM DỤC

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tham dục thời được thành tựu năm món tự tại. Những gì là năm ?

1. Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ.
2. Cửa cải tự tại, oán tặc không cướp đoạt.
3. Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng đều đủ.
4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến.
5. Những vật đã được thù thắng gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thưở xưa không bỏn sẻn ganh ghét.

Ấy là năm món tự tại. Nếu đem hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, đặc biệt được ba cõi thủy đều cung kính cúng dường.

GIẢNG NGHĨA

Tự tại : Tùy theo ý mình muốn, không bị sự gì làm trở ngại.

Bỏn sẻn : Keo kiệt, chẳng chịu thí cho một chút tài vật nào mà còn ganh ghét khi thấy người ta có những điều kiện bằng mình hoặc hơn mình.

Ba cõi : Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Ba nghiệp : Chỉ cho thân, khẩu, ý.

Các căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa tham dục, chẳng những thành tựu được năm món tự tại mà còn được chúng sanh trong ba cõi thấy đều hết lòng cung kính cúng dường khi chứng được Phật quả.

GIẢI THÍCH

Cửa cải có hai loại: Sáu căn và ba nghiệp là “nội tài” (cửa cải ở trong thân) còn bao nhiêu tài vật quý báu khác thuộc về “ngoại tài” (cửa cải ở ngoài thân).

Nếu không tham dục thời sẽ được quả báo là: Nội tài và ngoại tài đều được đầy đủ, tùy tâm mà thọ dụng không có sức mạnh nào chiếm đoạt được, mong cầu vật gì khi được thời gấp mười, gấp trăm lần hơn chỗ mình muốn. Nếu như ta đem công đức ấy hồi hướng về quả Vô Thượng Bồ-đề thì sau khi thành Phật tức là được ba cõi đặc biệt tôn trọng và cúng dường.

BÀI XVI

9- 明離瞋恚功德

復次龍王！若離瞋心，
 恚，即得八種喜悅，瞋心
 法。何等為八？一、無訟
 無損惱心。二、無質諍直
 恚心。三、柔和者益相。八
 。四、得作身。八。梵迴
 五，常七尊，速若
 ，常七尊，速若
 。共故八。

羅 三 藐 三 菩 提 者 ， 後
 成 佛 時 ， 得 佛 無 礙 心
 ， 觀 者 無 厭 。

DỊCH NGHĨA

9) CÔNG ĐỨC XA LÌA SÂN KHUẾ

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa sân hận, thời được tám món Tâm Pháp hỷ duyệt. Những gì là tám?

1. Không lòng tổn não.
2. Không còn sân hận.
3. Không lòng kiện tụng.
4. Lòng nhu hòa, ngay thật.
5. Được từ tâm của bậc Thánh.
6. Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh.
7. Thân tướng đẹp dễ, chúng đều tôn kính.
8. Do sự hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm Thiên.

Ấy là tám món Tâm Pháp hỷ duyệt. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa tâm sân hận, thời sẽ được tám Pháp hỷ duyệt và sau khi thành Phật, được tâm không quá ngại.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lìa lòng sân hận thì hưởng được các thứ công đức vui vẻ, trong lòng luôn luôn nhu hòa hiền dịu, không còn có lòng sân hận, gây việc tranh tụng và tổn hại ai, lại thường sẵn lòng giúp ích cho tất cả chúng sanh. Khi sanh ra được thân tướng đẹp đẽ, mọi người cung kính. Bởi vì con người lúc lòng sân nổi dậy, mặt đỏ sặc, tay chân run rẩy, hiện ra thân tướng xấu xa hung tợn, nhân đã vậy thì quả phải xấu, ấy là định luật của nghiệp quả báo ứng.

Cõi Trời Phạm Thiên là cõi của người hết nghiệp sân hận vì các vị Thánh nhân đều được thiên định. Nếu đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sau khi thành Phật sẽ được tâm Phật, không điều gì chướng ngại, ai trông thấy cũng đều ngưỡng mộ không chán.

*

* *

BÀI XVII

10- 明離邪見功德

邪法得侶寧三天永五道轉道
 離德，等，餘見。惡轉邪
 若功一善果惡非正網更慧離
 ！十？真因作，心疑不福永
 王就十，信不佛，直凶天量，
 龍成為樂深終依，吉人無七
 次得等意，命歸四切生，
 復即何善二身惟。一常六勝
 見。真。殞，等離，。增

行 於 聖 道 。 八 ， 不 起
 身 見 捨 諸 惡 業 。 九 ，
 住 無 礙 見 。 十 ， 不 墮
 諸 難 。 是 為 十 。 若 能
 迴 向 阿 耨 多 羅 三 藐 三
 菩 提 者 ， 後 成 佛 時 ，
 速 證 一 切 佛 法 ， 成 就
 自 在 神 通 。

DỊCH NGHĨA

10- THUYẾT MINH CÔNG ĐỨC XA LÌA TÀ KIẾN

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tà kiến thời sẽ được tành tựu mười Pháp công đức. Những gì là mười ?

1. Được ý vui chơn thiện, bậu bạn chơn thiện.
2. Thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mạng trọn chẳng làm ác.
3. Chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần.
4. Trực tâm chánh kiến, xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung.
5. Thường sanh nhưn thiên, không sa vào đường dữ.

6. Vô lượng phước huệ, lần lựa thêm nhiều.
7. Xa hẳn đường tà, tu hành Chánh đạo.
8. Chẳng khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp.
9. Kiến giải vô ngại.
10. Chẳng bị các tai nạn.

Ấy là mười. Nếu ai hồi hướng về quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, mau chứng tất cả Phật pháp, thành tựu Thần thông tự tại”.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Nếu ai xa lìa tà kiến thì sẽ được mười điều lợi ích, và nếu hồi hướng về quả Bồ-đề thì chẳng những mau chứng Đạo quả mà còn được Thần thông tự tại.

GIẢI THÍCH

Nếu xa hẳn ngu si tà kiến thì được các món công đức chơn thiện: tâm ý chất trực, thấy biết chơn chánh, hiểu rõ nhân quả, không còn ngờ vực, thường gặp bạn tốt, thường được quy y Phật, Pháp, Tăng; đời kiếp kiếp được sanh về cõi Trời và cõi Người, không bao giờ khởi tâm tà kiến, không mắc các tai nạn, phước đức trí huệ ngày một tăng trưởng, tu hành chơn chánh không lạc tà đạo, không khởi thân kiến (chấp thân này thật có của ta), cũng không vì thân mà khởi ác nghiệp, không bị một kiến chấp gì làm chướng ngại chỗ hiểu biết chơn lý.

Nếu ai phát lòng sâu xa rộng lớn, đem các công đức ấy hồi hướng về quả Phật, sau khi thành Phật, chúng được tất cả các pháp Thần thông tự tại của chư Phật.

*

* *

BÀI XVIII

IV. 明十善業勝行

1. 明六度

a. 廣明布施度

爾時世尊復告龍王
 言。若於修行無，不離常最
 業，害財無損施侵
 殺富壽賊行能
 離常長怨而無
 能，故奪一切取寶比
 時，於修行無，不離常最
 尊菩薩時施侵為不富勝
 復菩薩時施侵為不富勝
 尊菩薩時施侵為不富勝
 世尊菩薩時施侵為不富勝
 時若於修行無，不離常最
 爾時世尊復告龍王

悉離常，子者故侵持所而，睦乖
 能非富其，○，奪正作行無，爭
 備梵財家無離常，法必施能同○
 集行寶貞有虛富離，果故侵一
 諸而，順能誑財眾如○，奪志
 佛行無，以語寶毀其離常，樂
 法施能母欲而，謗誓離富眷，
 藏故侵及心行無，願間財屬恒
 ○。奪妻視施能攝，語寶和無

DỊCH NGHĨA

IV. THẮNG HẠNH CỦA MUỖI THIỆN NGHIỆP

1) NÓI VỀ LỤC ĐỘ

a) Nói rộng về Bố thí độ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Long Vương rằng:

“Nếu có Bồ Tát y Thiện nghiệp này, trong khi hành đạo: vì lìa nghiệp giết mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, trường thọ không yếu, chẳng bị tất cả oán tặc làm hại. Vì lìa nghiệp chẳng cho cố lấy mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, không ai sánh kịp, và đều thâu thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp. Vì lìa lỗi tà hạnh mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, trong nhà trinh thuận (vợ có tiết tháo và phục tùng chồng), mẹ và vợ, con không bị ai đem lòng dục mà xâm phạm. Vì lìa lời nói dối mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, khỏi các sự nhục mạ, giữ gìn Chánh pháp như lời thệ nguyện, nhứt định sẽ có kết quả. Vì lìa lời nói ly gián mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu không ai xâm đoạt, bà con hòa thuận, đồng một chí vui, hằng không trái nghịch.

BÀI XIX

廣明布施度(續前)

故奪依者故奪敬疑施侵惠大行
 施侵歸拒施侵皆諸行能以具而
 行能喜違行能人斷而無悉，心
 而無歡無而無，便心寶有固怒
 語寶會受語寶設方求財所堅忿
 惡財眾信義財虛善貪富切解離
 粗富一切皆無富不能離常一信。
 離常，一言離常言，受惑故奪捨威

施故，常富財寶無能
 侵奪，速自成就無礙
 心智，諸根嚴好，見
 皆敬愛。離邪倒心
 而行施故，常富財寶
 無能侵奪。恒生正見
 敬信之家，見佛聞法
 供養眾僧，常不忘失
 大菩薩心。是為大士
 修菩薩道時，行十善
 業，以施莊嚴所獲大
 利。

DỊCH NGHĨA

NÓI RỘNG VỀ BỐ THÍ ĐỘ (tiếp theo)

Vì lia lời nói thô ác mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt; tất cả chúng hội đều vui vẻ theo về, lời nói đều được người tín thọ, không chống trái. Vì lia lời nói vô

nghĩa (ỷ ngữ) mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt, nói chẳng uổng lời, người đều kính chịu, hay dùng phương tiện khéo dứt các sự nghi ngờ. Vì lia lòng tham cầu mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt, có được vật gì đều đem ban cấp, tín giải kiên cố, đủ oai lực lớn. Vì bỏ lòng giận hờn mà làm bố thí, nên thường được của báu không ai xâm đoạt, tự mình mau thành tựu được tâm trí vô ngại, các căn tốt đẹp, người thấy kính ưa. Vì xa lia lòng tà đảo mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường chẳng quên mất tâm Đại Bồ-đề. Ấy là những bậc Đại Sĩ khi tu Bồ Tát đạo làm mười Thiện nghiệp, do bố thí trang nghiêm mà được lợi ích.

GIẢNG NGHĨA

Chúng hội : Những người trong một cuộc hội họp.

Phương tiện : Những phương pháp tiện lợi trong một trường hợp. Nó chỉ có tánh cách nhứt thời, không phải vĩnh viễn, không phải cứu cánh.

Tín giải : Tin có sự hiểu biết, không phải chỉ một mặt tin suông, nghĩa là khi nghe Phật thuyết pháp bắt đầu tin, về sau có sự hiểu biết gọi đó là “tín giải”. Lại có nghĩa là: Người độn căn thì chỉ thuần

“tin” còn người lợi căn thì lại thêm phần hiểu biết rõ ràng lời Phật thuyết nữa, gọi là “tín giải”.

Lại có nghĩa nữa là: “Tín” thì phá được tà kiến, còn “giải” thì phá được vô minh, gọi là “tín giải”.

Tà đảo : Hiểu biết không chơn chánh và trái sự thật.

ĐẠI Ý

Bài trước và bài này Đức Phật nói thắng hạnh của Thập Thiện nghiệp qua Bồ thí độ.

GIẢI THÍCH

Bồ thí là để diệt trừ lòng tham lam, sẽ được hưởng quả báo giàu có, của cải không còn nghèo thiếu; nhưng nếu lòng bồ thí không thanh tịnh, hoặc hành vi ác chưa dứt sạch hẳn, thì tuy có nhiều của báu, cũng không hưởng thọ được lâu bền và tự tại. Nếu phát tâm Bồ Tát, y theo mười Thiện nghiệp mà tu hành bồ thí, thì dung nghi đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, bà con hòa thuận, có nhiều quả báo không ai sánh kịp; mà cũng không có người dám dùng thế lực để chiếm đoạt. Ta lại được mọi người kính mến, quy thuận, ủng hộ. Đó là nhờ công đức tu hành Thập thiện mà bồ thí, mới được viên mãn trang nghiêm, lợi ích rất rộng lớn như vậy. Trái lại, vì lòng sân hận, khinh khi, mua danh mà làm bồ thí, hoặc vì ngu si tà kiến, người đáng cho thì không cho, người không

đáng cho lại cho, hoặc thiên vị cho người này không cho người khác, như thế gọi là điên đảo, sai lầm làm việc bố thí, không thể nào viên mãn được. Dù rằng ta vẫn được quả báo tốt, về sau cũng không cứu cánh.

*

* *

BÀI XX

b- 略明餘五度

言戒佛。圓進，故安一
 要，以一切願佛精怨嚴輕斷
 舉，一大得。魔莊愧能
 ！道生足。好破定慚，
 王善能滿故相能。慧故見
 龍十，嚴眾，藏念嚴妄
 是行故利莊具故法生莊別
 如，嚴義辱，嚴佛能慧分
 之莊法忍音莊入，。切

DỊCH NGHĨA

b) Lược nói năm độ sau

Như vậy Long Vương ! Tóm lại mà nói, tu mười Thiện Đạo, vì dùng Trì giới trang nghiêm nên hay sanh Phật pháp nghĩa lợi, đầy đủ nguyện lớn. Vì dùng Nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Vì dùng Tinh tấn trang nghiêm nên hay phá được ma oán, vào Pháp tạng của Phật. Vì dùng Thiên định trang nghiêm nên hay sanh niệ, huệ, tầm quý, khinh an. Vì dùng Trí huệ trang nghiêm nên hay dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

GIẢNG NGHĨA

Nghĩa lợi : Lợi ích chơn thật, hay lợi ích thật nghĩa.

Pháp tạng : Chính là Phật pháp tạng, cũng chính là Như Lai tạng, là chỉ cho lý của Pháp tánh, vì Pháp tánh nó hàm chứa vô lượng tánh đức nên gọi là “Pháp tạng”.

Vọng kiến : Sự thấy biết hư vọng không đúng sự thật, tức là: thân, biên, tà kiến...

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Trì giới Nhẫn nhục, Tinh tấn v.v... có tu hành Thập thiện thì mới trang nghiêm được.

GIẢI THÍCH

Trong Phật pháp, có sự ích lợi chỉ ở hiện tại, có sự ích lợi chỉ ở tương lai và có sự ích lợi cứu cánh khác nhau. Bồ Tát tu hành Lục độ tức là được tất cả nghĩa lợi, nhưng nếu dùng Thập Thiện nghiệp đạo làm căn bản, thời nghĩa lợi mới hoàn toàn viên mãn.

*

* *

BÀI XXI

2- 明眾行

慈莊嚴故，於諸眾
 生不起惱害。悲莊嚴
 故，愍諸眾生常不厭
 捨。喜莊嚴故，見修
 善者心無嫌嫉。捨莊
 嚴故，於順違境無愛
 恚心。四攝莊嚴故，
 常勤化一切眾生。

DỊCH NGHĨA

2- CÁC HÀNH KHÁC

Vì lấy lòng Từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh không khởi tâm não hại. Vì lấy lòng Bi trang nghiêm nên thương các chúng sanh thường không chán bỏ. Vì lấy lòng Hỷ trang nghiêm, nên

thấy người tu thiện lòng không ganh ghét (hiềm tật). Vì lấy lòng Xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch lòng không thương giận.

Vì dùng Tứ Nhiếp Pháp trang nghiêm, nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

GIẢNG NGHĨA

Tứ Nhiếp Pháp : Bốn phương pháp thu nhiếp, hóa độ chúng sanh. Bốn pháp ấy là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

ĐẠI Ý

Đoạn này có hai phần:

1. Tu Tứ Vô Lượng Tâm phải căn cứ 10 Thiện nghiệp mới được viên mãn.

2. Tu Tứ Nhiếp Pháp cũng phải lấy Thập Thiện nghiệp làm nền tảng mới cứu cánh được.

GIẢI THÍCH

Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đức Vô Lượng Tâm của chư Phật và Bồ Tát. Từ là cho vui, Bi là cứu khổ, Hỷ là đối với tất cả những lợi ích, an vui của kẻ khác, sẵn lòng hoan hỷ, tán trợ. Xả là oán thân bình đẳng, không khởi phân biệt, một lòng thân nhiên, không còn trụ trước. Như Kinh Kim Cang nói: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (nên sanh lòng không chỗ trụ trước). Suy rộng ra, bốn tâm ấy cùng khắp vô lượng,

nên gọi là Vô Lượng Tâm. Căn cứ vào Thập Thiện nghiệp mà tu khiến cho bốn tâm ấy được viên mãn trang nghiêm thì công đức vô lượng.

Bồ Tát tùy mỗi loài hiện thân đem bốn nhiếp pháp mà thâm nhiếp tất cả chúng sanh, làm cho mỗi loài đều được lãnh thọ Chánh pháp, đều hiểu sự lợi ích. Ở đây căn cứ 10 Thiện nghiệp mà tu Tứ Nhiếp Pháp thì mới được hoàn toàn cứu cánh.

*

* *

BÀI XXII

能勤一善恒五固迷煩怨覺悟嚴現
 善正除一切，堅無諸眾。覺莊常
 ，斷一故樂信常斷，者善道，
 故觀能成嚴快深，順故壞常正慧
 嚴處悉，莊安，懈調嚴能，。智
 莊念，法足輕故匪然莊無故法正
 處四故善神心嚴勤寂力，嚴諸得
 念習嚴不。身莊精，。滅莊切，
 修莊切法令根，妄惱盡支一故

在前。止莊嚴故，悉
 能滌除一切結使。觀
 莊嚴故，能如實知諸
 法自性。方便莊嚴故
 ，速得成滿為無為樂
 。

3- 廣結

龍王當知！此十善
 業，乃至能令十力，
 無畏，十八不共一切
 佛法，皆得圓滿。是
 故汝等應勤修學。

DỊCH NGHĨA

Vì dùng Niệm Xứ trang nghiêm nên khéo tu
 tập Tứ Niệm Xứ Quán. Vì dùng Chánh Cần trang
 nghiêm nên trừ tất cả các pháp bất thiện, thành
 tất cả pháp thiện. Vì dùng Thân Túc trang nghiêm

nên khiến thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Vì dùng Ngũ Căn trang nghiêm nên thâm tín kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng, điều hòa dứt các phiền não. Vì dùng Ngũ Lực trang nghiêm nên các oán đều diệt, không gì phá hoại. Vì dùng Giác Chi trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả các Pháp. Vì dùng Chánh Đạo trang nghiêm nên được trí huệ chơn chánh thường hiện ở trước. Vì dùng Chỉ trang nghiêm nên dứt sạch được tất cả kiết sử. Vì dùng Quán trang nghiêm nên như thật biết được tự tánh các Pháp. Vì dùng Phương Tiện trang nghiêm nên chóng được thành tựu viên mãn cái vui Vô vi (Niết-bàn).

3- TỔNG KẾT

Long Vương nên biết! Mười Thiện nghiệp này, hay khiến cho Thập Lực, Tứ Vô Úy và 18 Pháp Bất Cộng, tất cả Phật Pháp, đều được viên mãn. Vậy nên các ông phải siêng tu học.

GIẢNG NGHĨA

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo : Cũng gọi là 37 phần Bồ-đề.

1) *Tứ Niệm Xứ* : Bốn món quán sát nhớ nghĩ :

- a) Quán thân bất tịnh. c) Quán tâm vô thường.
- b) Quán thọ thị khổ. d) Quán pháp vô ngã.

2) *Tứ Chánh Cần*: Bốn món siêng năng chơn chánh

- a) Những điều ác đã sanh, phải mau trừ bỏ.
- b) Những điều ác chưa sanh, giữ không cho sanh.
- c) Những điều thiện chưa sanh, phải mau làm cho sanh.
- d) Những điều thiện sanh rồi, phải làm cho tăng trưởng.

3) *Tứ Như Ý Túc* : Bốn món Thần thông như ý :

- a) Niệm: Nghĩ nhớ. c) Tấn: Tinh tấn.
- b) Dục: Ưa muốn. d) Huệ: Trí huệ.

Chúng bốn món này tức là được sự mong muốn như ý, lại hay khởi ra các Pháp Thần thông, nên gọi là Thần túc thông.

4) *Ngũ Căn* : Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

5) *Ngũ Lực* : Tức là Ngũ căn, nhưng đứng về phương diện “tu hành đối trị”.

6) *Thất Giác Chi* : Bảy món giác ngộ:

- a) Trạch pháp : Lựa chọn các pháp chơn ngụy.
- b) Tinh tấn : Siêng năng.
- c) Hỷ : Vui mừng.
- d) Khinh an : Nhẹ nhàng, an tĩnh.
- đ) Niệm : Nhớ nghĩ.
- e) Định : Thiên định.
- f) Hành xả : Lòng tu hành bình đẳng, không vướng mắc.

7) *Bát Chánh Đạo* : Tám con đường chơn chánh, cũng gọi là Bát Thánh Đạo.

- a) Chánh kiến : Kiến giác chơn chánh.
- b) Chánh tư duy : Suy nghĩ chơn chánh.
- c) Chánh ngữ : Lời nói chơn chánh.
- d) Chánh nghiệp : Hành vi chơn chánh.
- đ) Chánh mạng : Sinh hoạt chơn chánh.
- e) Chánh tinh tấn : Siêng năng việc chơn chánh.
- f) Chánh niệm : Nghĩ nhớ chơn chánh.
- g) Chánh định : Thiền định chơn chánh.

Tu theo tám pháp này tránh được tà vạy, nên gọi là Chánh. Nhờ tám pháp này mà đến được cảnh giới Niết-bàn nên gọi là Đạo.

Thập Lực : Cũng gọi là Phật thập trí lực: Mười món trí lực của Phật.

1) *Thị xứ phi xứ* : Trí lực biết được nhân duyên quả báo của chúng sanh, như: làm Thiện nghiệp thì được an vui, gọi là Thị xứ, còn nếu làm ác nghiệp mà mong cầu quả vui, ấy là Phi xứ.

2) *Nghiệp* : Trí lực biết vô lượng các nghiệp của chúng sanh.

3) *Định* : Trí lực biết tất cả các Thiền định tam muội.

4) *Căn* : Trí lực biết tất cả căn tánh cao, thấp của tất cả chúng sanh.

5) *Dục* : Trí lực biết mỗi mỗi sự ưa muốn của tất cả chúng sanh.

6) *Giới* : Trí lực biết mỗi mỗi phần của chúng sanh trong thế giới.

7) *Chí xứ* : Trí lực biết tương nơi đến của tất cả đạo, như : biết hành Thập Thiện nghiệp đạo thời đến cõi Nhân thiên, còn tu Bồ Tát Thánh đạo thời đến quả Niết-bàn.

8) *Túc mạng* : Trí lực biết được kiếp trước (mạng sống nhiều kiếp trước) của tất cả chúng sanh, như : khổ, vui, thọ, yếu v.v...

9) *Thiên nhãn* : Trí lực dùng Thiên nhãn thấy chúng sanh qua lại trong sanh tử, và thiện ác nghiệp duyên một cách rõ ràng.

10) *Lậu tận* : Trí lực tự biết rằng : ta sanh ra đời này đã hết, không còn phải thọ thân sau nữa.

Tứ vô sở úy : Tứ vô sở úy có hai : một của Phật, một của Bồ Tát. Đây là Tứ vô sở úy của Phật.

1) *Nhứt thiết trí Vô sở úy* : Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, Ngài là bậc Nhứt thiết chánh trí, đối với các pháp thấy biết tường tận, nên lời lẽ trầm hùng như tiếng sư tử không chút sợ sệt.

2) *Lậu tận Vô sở úy* : Đức Thế Tôn vì đã dứt tất cả phiền não, nên ở trong đại chúng nói năng hùng hồn như tiếng sư tử, không hề có lòng sợ sệt.

3) *Thuyết chướng đạo Vô sở úy* : (Nói những điều có thể làm chướng ngại đạo không sợ sệt) : Đức Thế

Tôn nói những pháp có thể làm chướng ngại Phật Đạo ở giữa đại chúng mà lời lẽ vẫn hùng hồn như tiếng sư tử, lòng không e ngại.

4) *Thuyết tận khổ đạo Vô sở úy* : Đức Thế Tôn ở trong đại chúng lời lẽ hùng hồn như tiếng sư tử, nói cái đạo hết khổ lòng không sợ sệt.

Mười tám pháp bất cộng : Mười tám món công đức này chỉ hạn cuộc trong vòng Phật vị, vì chỉ có trong quả vị Phật, không cùng chung với hàng Nhị thừa, Bồ Tát nên gọi là Pháp bất cộng.

1) *Thân vô thất* : Vì Đức Phật từ vô lượng kiếp đến nay, thường dùng giới, định, huệ và từ bi để tu cái thân tướng của Ngài, công đức ấy được đầy đủ : tất cả phiền não đều hết, nên gọi là “Thân vô thất”.

2) *Khẩu vô thất* : Phật đủ vô lượng trí huệ biện tài nên pháp của Ngài nói ra đều theo cơ nghi của chúng sanh mà làm cho được chúng ngộ ấy gọi là “Khẩu vô thất”.

3) *Niệm vô thất* : Đức Phật tu các pháp thiền định đến chỗ vi diệu, đối với các pháp, tâm không còn nhiệm trước, được sự an ổn Đệ nhất nghĩa, nên gọi là “Niệm vô thất”.

4) *Vô dị tưởng* : Đức Phật đối với tất cả chúng sanh bình đẳng độ hết, tâm không lựa chọn, nên gọi là “không có ý tưởng khác”.

5) *Vô bất định tâm* : Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi bốn uy nghi... Đức Phật không hề rời bỏ Thắng định

nhệm mầu, nên gọi là “Vô bất định tâm”.

6) *Vô bất tri dĩ xả* : Đức Phật đối với tất cả pháp đều hiểu một cách tường tận, rồi sau liền xả, không có hiểu rõ một pháp nào mà chẳng xả.

7) *Dục vô giảm* : Đức Phật đầy đủ các Thiện pháp, thường muốn độ các chúng sanh, mà lòng không bao giờ cho là đủ, ấy là lòng muốn không bị kém giảm.

8) *Tinh tấn vô giảm* : Thân tâm của Đức Phật siêng năng có thừa, thường độ tất cả chúng sanh không lúc nào ngừng nghỉ, nên gọi là “Tinh tấn vô giảm”.

9) *Niệm vô giảm* : Đối với Giáo pháp và tất cả trí huệ của ba đời chư Phật, Đức Phật tương ưng đầy đủ không hề thối chuyển, nên gọi là “Niệm vô giảm”.

10) *Huệ vô giảm* : Đức Phật đủ tất cả trí huệ, vô lượng vô biên không thể cùng tận, nên gọi là “Huệ vô giảm”.

11) *Giải thoát vô giảm* : Đức Phật xa lìa tất cả chấp trước, đủ ba món giải thoát : 1) Hữu vi giải thoát : sự giải thoát tương ưng với Vô lậu trí huệ. 2) Vô vi giải thoát : Tất cả phiền não sạch hết, không còn một tí nào, nên gọi là “Giải thoát vô giảm”.

12) *Giải thoát tri vô giảm* : Phật đối trong tất cả pháp giải thoát, thấy biết rõ ràng gọi là “Giải thoát tri kiến vô giảm”.

13) *Nhứt thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật hiện ra các tướng thù thắng để hàng phục

chúng sanh, xứng với trí huệ mà diễn nói tất cả pháp, khiến cho ai nấy đều được giải thoát chứng nhập, gọi là “Nhứt thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành”.

14) *Nhứt thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật dùng lời lẽ vi diệu thanh tịnh tùy trí huệ mà vận chuyển để hóa đạo, lợi ích cho tất cả chúng sanh, ấy gọi là “Nhứt thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành”.

15) *Nhứt thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật dùng ý nghiệp thanh tịnh tùy trí huệ vận chuyển vào trong tâm của chúng sanh, vì họ mà nói pháp trừ diệt màn vô minh. Ấy gọi là “Ý nghiệp tùy trí huệ hành”.

16) *Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại* : Đức Phật dùng trí huệ chiếu biết tất cả bao nhiêu pháp chúng sanh hoặc pháp phi chúng sanh, cùng khắp không bị ngăn ngại.

17) *Trí huệ tri vị lai thế vô ngại*.

18) *Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại* : Pháp thứ 17 và 18, nghĩa y như pháp thứ 16.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói : 37 phẩm trợ đạo cũng phải dùng thập Thiện nghiệp làm căn bản mà tu, thì mới mau được viên mãn và cho đến Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp của Phật cũng vậy.

GIẢI THÍCH

Nếu Bồ Tát dùng Thập Thiện nghiệp làm căn bản mà tu 37 phẩm trợ đạo thì mau chứng quả an vui vĩnh viễn.

Còn Thập lục, Tứ vô úy và 18 pháp bất cộng là pháp đặc biệt của quả vị Phật, cũng cần phải căn cứ vào pháp Thập thiện mà tu thì tất cả hạnh mới được thù thắng và khi đến quả vị Phật mới được trang nghiêm viên mãn. Vậy thì tất cả chúng sanh phải siêng năng tu học mười Thiện nghiệp.

*

* *

BÀI XXIII

V. 明十善業殊勝

龍王！譬如一切城
 邑聚落，皆依大地而得
 安住，一切藥草卉木
 叢林，亦依地而生長如
 ○此十善道，亦復如而
 是：一切天人，依之獨覺
 立，一切聲聞，行，一十
 菩提，諸菩薩，依此十
 切佛法，咸成成就。

C. 流通分

佛說此經已，娑竭
 羅龍王及諸大眾，一
 切世間天人阿修羅等
 ，皆大歡喜信受奉行
 ○

DỊCH NGHĨA

V. THUYẾT MINH SỰ THÙ THẮNG CỦA THẬP
 THIÊN NGHIỆP

Long Vương ! Ví như tất cả thành, ấp, xóm, làng đều y đại địa mà được an trụ, tất cả trăm hoa, cây cỏ bụi rừng cũng nương đại địa ấy mà được sanh trưởng. Thập Thiên nghiệp đạo cũng lại như thế. Tất cả Nhơn Thiên cũng y vào đó mà được an lập, tất cả Thanh Văn, Độc Giác Bồ-đề, các hạnh Bồ Tát, tất cả Phật pháp đều chung y vào đại địa Thập thiện này mà được thành tựu.

C) PHẦN LƯU THÔNG

Phật dạy Kinh này rồi, Ta Kiệt La Long Vương và toàn thể đại chúng, tất cả thế gian, Thiên, Nhơn, A-tu-la thấy đều hoan hỷ tín, thọ, vâng làm.

ĐẠI Ý

Đoạn văn trên có hai phần :

1) Từ “Long Vương “đến” được thành tựu” là nói sự thù thắng của mười Thiện nghiệp: tất cả muôn công đức lành đều từ đó phát sanh, chẳng khác nào đại địa vậy.

2) Từ “Phật dạy... phụng hành” là phần lưu thông : tất cả chúng hội nghe Phật nói rồi đều hoan hỷ vâng làm.

GIẢI THÍCH

1) Đoạn văn đầu nói rõ công đức thù thắng của Thập Thiện Nghiệp Đạo, nó làm căn bản cho tất cả Thiện pháp, không thể nào một giây lát có thể rời bỏ được, nên đem đại địa làm thí dụ. Nếu rời bỏ Thập Thiện mà muốn tu hành chứng quả, cũng như xây cát lâu đài hoặc trồng cây ở giữa hư không, thì kết quả không sao có được.

2) Đoạn văn dưới là phần lưu thông của người kết tập chép lại. Ta Kiệt La Long Vương là người chủ

duyên khởi Kinh này ; A-tu-la, Trung Hoa dịch là “Phi Thiên” (giống như Trời mà không phải Trời) Câu: “Đều hoan hỷ, tín, thọ phụng hành”, theo lời Phật dạy, tất cả các Kinh phải kết thành như thế, để tiêu biểu Pháp Phật không như lời lý luận của phàm phu, nói rồi là rồi, mà cần phải vâng theo lời nói ấy thiết thực tu hành. Nhưng người nghe Pháp cần phải phát tâm hoan hỷ mới sanh lòng tin; có lòng tin mới có thể lãnh thọ; có ý lãnh thọ mới vâng theo Pháp mà thực hành được. Cho nên, câu “hoan hỷ tín, thọ, phụng hành” chúng ta cần phải lưu ý.

PHẬT HỌC VIỆN PHƯỚC HÒA

Vĩnh Bình, ngày 14-3-1962

(mồng 9 tháng Hai năm Nhâm Dần)

PHẦN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHẤT

A. CHÚNG TÍN PHẦN

Như thị ngã văn : Nhứt thời Phật tại Ta- kiệt-la Long cung, dĩ bát thiên đại Tỳ-kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma-ha-tát câu.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH THUYẾT PHẦN

I- MINH THẾ XUẤT THẾ NGHIỆP QUẢ

1- TỰU NHÂN MINH QUẢ

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long vương ngôn: Nhứt thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển.

2- TỨC QUẢ MINH NHÂN

Long vương! Nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại các biệt phủ da? Như thị nhứt thiết, mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí.

BÀI THỨ BA

3- CỬ NHÂN TƯỚNG MINH

Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, dẫn thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở.

Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung vô hữu tác giả. Cố nhứt thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn.

Trí giả tri dĩ, ưng tu Thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh, uẩn, xứ, giới đẳng, giai tất đoan chánh, kiến giả vô yểm.

BÀI THỨ TƯ

4- CỬ QUẢ TƯỚNG CHỨNG

Long vương! Nhữ quán Phật thân, tùng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức tự tại Phạm vương, tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, khởi bất mục huyễn.

Nhữ hựu quán thử chư Đại Bồ Tát, diệu sắc nghiêm tịnh, nhứt thiết giai do tu tập Thiện nghiệp phước đức nhi sanh.

Hựu chư Thiên Long, Bát bộ chúng đẳng, đại oai thế giả, diệc nhân Thiện nghiệp phước đức sở sanh.

Kim đại hải trung, sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm tác thân ngữ ý chư bất Thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo.

BÀI THỨ NĂM

5- KẾT KHUYẾN TU HỌC

Nhữ kim thường ưng như thị tu học, diệc linh

chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập Thiện nghiệp. Nhữ đương nhân thử chánh kiến bất động, vật phục đọa tại đoạn thường kiến trung! Ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng, thị cố nhữ đẳng diệc đắc nhân thiên tôn kính cúng dường.

BÀI THỨ SÁU

II- CHÁNH MINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

1- HIỂN THIÊN PHÁP DỤNG

Long vương đương tri: Bồ Tát hữu nhứt pháp, năng đoạn nhứt thiết chư ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhứt? Vị ư trú dạ thường niệm tư duy quán sát Thiện pháp, linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp, thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, Thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận chư Phật, Bồ Tát cập dư Thánh chúng.

2) THÍCH THIÊN PHÁP DANH

Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân, Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề, giai y thử pháp, dĩ vi căn bản, nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp.

BÀI THỨ BẢY

3- XUẤT THIÊN PHÁP TƯỚNG

Thử pháp tức thị Thập Thiện Nghiệp Đạo. Hà đẳng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thâu đạo, tà

hạnh, vọng ngữ, lương thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến.

BÀI THỨ TÁM

III. MINH THẬP THIÊN NGHIỆP CÔNG ĐỨC

1- MINH LY SÁT SANH CÔNG ĐỨC

Long vương! Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đẳng vi thập ?

Nhứt : Ư chư chúng sanh phổ thí vô úy.

Nhị : Thường ư chúng sanh khởi Đại Từ tâm.

Tam : Vĩnh đoạn nhứt thiết sân nhuế tập khí.

Tứ : Thân thường vô bệnh.

Ngũ : Thọ mạng trường viễn.

Lục : Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ.

Thất : Thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc.

Bát : Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải.

Cửu : Vô ác đạo bố.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng.

BÀI THỨ CHÍN

2- LÝ THẬU ĐẠO CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly thâu đạo, tức đắc thập chủng khả bảo Tín pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhút : Tư tài doanh tích, vương tặc, thủy hỏa, cập phi ái tử bất năng tán diệt.

Nhị : Đa nhân ái niệm.

Tam : Nhân bất khi phụ.

Tứ : Thập phương tán mỹ.

Ngũ : Bất ưu tổn hại.

Lục : Thiện danh lưu bố.

Thất : Xử chúng vô úy.

Bát : Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết.

Cửu : Thường hoài thí ý.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại Bồ-đề Trí.

BÀI THỨ MƯỜI

3- MINH LY TÀ HẠNH CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương! Nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ?

Nhút : Chư căn điều thuận

Nhị : Vĩnh ly huyền trạo.

Tam : Thế sở xung tán.

Tứ : Thê mạc năng xâm.

Thị vi tứ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật Trượng phu ẩn mật tàng tướng.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

4- MINH LY VỌNG NGŨ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát ?

Nhút : Khẩu thường thanh tịnh Ưu-bát hoa hương.

Nhi : Vi chư thế gian chi sở tín phục.

Tam : Phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái.

Tứ : Thường dĩ ái ngữ an ủy chúng sanh.

Ngũ : Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh.

Lục : Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ.

Thất : Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành.

Bát : Trí tuệ thù thắng vô năng chế phục.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chơn thật ngữ.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

5- MINH LY LƯƠNG THIỆT CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly lương thiệt, tức đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngũ ?

Nhút : Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố.

Nhi : Đắc bất hoại quyền thuộc, vô năng phá cố.

- Tam : Đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố.
 Tứ : Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố cố.
 Ngũ : Đắc bất hoại Thiện tri thức, bất cưỡng hoặc cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo bất năng trở hoại.

BÀI THỨ MƯỜI BA

6- MINH LY ÁC KHẨU CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát ?

- Nhút : Ngôn bất quai độ.
 Nhị : Ngôn giai lợi ích.
 Tam : Ngôn tất Khế lý.
 Tứ : Ngôn từ mỹ diệu.
 Ngũ : Ngôn khả thừa lãnh.
 Lục : Ngôn tắc tín dụng.
 Thất : Ngôn vô khả ky.
 Bát : Ngôn tận ái lạc.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

7- MINH LY Ý NGŨ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly ý ngũ tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam?

Nhứt : Định vi trí nhân sở ái.

Nhị : Định năng dĩ trí như thật đáp vấn.

Tam : Định ư nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng.

Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời đắc Như Lai sở thọ ký giai bất đường quyen.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

8- MINH LY THAM DỤC CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly tham dục tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ ?

Nhứt : Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố.

Nhị : Tài vật tự tại, nhứt thiết oán tặc bất đoạt cố.

Tam : Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố.

Tứ : Vương vị tự tại, trân kỳ diệu vật giai phụng hiến cố.

Ngũ : Sở hoạch chi vật, quá bốn sở cầu, bá bội thù thắng. Do ư tích thời, bất xan tật cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

9- MINH LY SÂN NHUẾ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly sân nhuế tức đặc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát ?

Nhút : Vô tổn não tâm.

Nhị : Vô sân nhuế tâm.

Tam : Vô tranh tụng tâm.

Tứ : Nhu hòa chất trực tâm.

Ngũ : Đắc Thánh giả từ tâm.

Lục : Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.

Thất : Thân tướng đoan nghiêm chúng cộng tôn kính.

Bát : Dĩ hòa nhẫn cố, tốc sanh Phạm thế.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đặc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

10- MINH LY TÀ KIẾN CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly tà kiến, tức đặc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập ?

- Nhút : Đắc chơn thiện ý lạc, chơn thiện đẳng lữ.
 Nhị : Thâm tín nhân quả, ninh quyền thân mạng, chung bất tác ác.
 Tam : Duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.
 Tứ : Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhứt thiết kiết hung nghi vông.
 Ngũ : Thường sanh nhân thiên bất cánh ác đạo.
 Lục : Vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.
 Thất : Vĩnh ly tà đạo, hành ư Thánh đạo.
 Bát : Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.
 Cửu : Trụ vô ngại kiến.
 Thập : Bất đọa chư nạn.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhứt thiết Phật Pháp, thành tựu tự tại Thần thông.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

IV- MINH THẬP THIỆN NGHIỆP THẮNG HẠNH.

1- MINH LỤC ĐỘ

a) Quảng Minh Bố Thí Độ

Nhĩ thời Thế Tôn! Phục cáo Long vương ngôn: Nhược hữu Bồ Tát ý thử Thiện nghiệp, ư tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành bố thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yểu, bất vi nhứt

thiết oán tặc tổn hại. Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật pháp tạng. Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trình thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả.... Ly hư cưỡng ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì Chánh pháp, như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả. Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyến thuộc hòa mục, đồng nhứt chí lạc, hằng vô quai tránh.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

QUẢNG MINH BỐ THÍ ĐỘ (TỤC TIỀN)

Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhứt thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả. Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc. Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhứt thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực. Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái. Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi

gia, kiến Phật, văn Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường bất vong thất Đại Bồ-đề tâm.

Thị vi Đại sĩ tu Bồ Tát đạo thời, hành Thập Thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi.

BÀI THỨ HAI MƯỜI

b) Lược Minh Dư Ngũ Độ

Như thị Long vương ! Cử yếu ngôn chi, hành Thập thiện đạo, dĩ Giới trang nghiêm cố, năng sanh nhứt thiết Phật pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện. Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo. Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng. Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an. Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhứt thiết phân biệt vọng kiến.

BÀI THỨ HAI MƯỜI MỐT

2- MINH CHÚNG HẠNH

Từ trang nghiêm cố, ư chư chúng sanh bất khởi não hại. Bi trang nghiêm cố, mãn chư chúng sanh thường bất yếm xả. Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tặc. Xả trang nghiêm cố, ư thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm. Tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần hóa nhứt thiết chúng sanh.

BÀI THỨ HAI MƯỚI HAI

Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ Niệm Xứ quán. Chánh cần trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhứt thiết bất thiện pháp, thành nhứt thiết thiện pháp. Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc. Ngũ căn trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chư phiền não. Lục trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả. Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhứt thiết chư pháp. Chánh đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện tại tiền. Chỉ trang nghiêm cố, tất năng địch trừ nhứt thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật tri chư pháp tự tánh. Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc.

3- QUẢNG KẾT

Long vương đương tri ! Thử Thập Thiện Nghiệp, nãi chí năng linh Thập lực Tứ vô úy, Thập bát bát cộng nhứt thiết Phật pháp, giai đắc viên mãn. Thị cố nhữ đẳng ưng cần tu học.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BA

V- MINH THẬP THIÊN NGHIỆP THÙ THẮNG

Long vương ! Thí như nhứt thiết thành ấp tụ lạc giai y đại địa nhi đắc an trụ, nhứt thiết được thảo hủy

mộc tùng lâm, diệc y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử Thập Thiện Đạo, diệc phục như thị. Nhứt thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhứt thiết Thanh Văn, Độc Giác Bồ-đề, chư Bồ Tát hạnh, nhứt thiết Phật pháp, hàm cộng y thử Thập Thiện đại địa nhi đắc thành tựu.

C) LƯU THÔNG PHẦN

Phật thuyết thử Kinh dĩ, Ta-kiệt-la Long vương cập chư đại chúng nhứt thiết thế gian, thiên, nhân, A-tu-la đấng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

*

* *

KINH
TỨ THẬP NHI CHƯƠNG
(GIẢI THÍCH)

BỨC THƯ

THAY LỜI TỰA

Đạo Phật được truyền bá sang Việt Nam có lẽ trước cả ở Trung Quốc, vì tiện đường giao thông với Thiên Trúc. Đến đời nhà Lý, Phật giáo tuy không gọi là quốc giáo, nhưng thật sự đã chiếm một vị trí độc tôn ở nước ta. Chùa chiền được vua, quan xây dựng từ đế đô đến các làng mạc xa xôi, hiện nay còn để lại nhiều đền chùa cổ kính, như chùa Một Cột, đền Trấn Vũ tục gọi là đền Quan Thánh v.v... ở Hà Nội.

Ngày nay tuy có nhiều Tôn giáo khác cũng được du nhập, nhưng khối Phật tử vẫn còn chiếm một tỷ lệ rất cao, có lẽ 6, 70 phần trăm dân số.

Vì tấm lòng tôn sùng giáo lý của Đức Phật trong tinh thần của người dân Việt thấm nhuần một cách sâu xa từ mấy mươi thế kỷ trước, nên từ triết lý, văn chương đến những câu nói thông thường trong dân chúng như luân hồi, quả báo... đều chịu ảnh hưởng của Đạo Phật.

Trước kia, ở nước ta, Hán văn được phổ biến khắp trong hang cùng ngõ hẻm, nên chữ Hán đã được gọi là chữ "An Nam", thành ra kinh sách của Đạo Phật đều viết bằng Hán tự. Ngày nay chữ Việt đã được thay thế chữ Hán, người biết Hán tự càng ngày càng hiếm, những

kinh sách viết bằng chữ Hán chỉ dịch ra quốc ngữ mới được vài phần, còn bao nhiêu Kinh tạng quý báu chưa được phiên dịch, như bị chìm lặn vào quá khứ, lãng quên. Trong khi đó có nhiều vị am tường Hán học, sốt sắng phiên dịch, nhưng vì tài chánh eo hẹp, dịch xong rồi một bộ Kinh, không có tiền để in thành sách. Có khi cố gắng đem xuất bản, lại không đủ tiền thanh toán cho nhà in, như trường hợp Sư Hoàn Quan đã in quyển Kinh Thập Thiện từ năm 1965 đến năm nay (1967) vẫn còn thiếu nhà in bốn ngàn đồng.

Để góp sức phần nào cùng Sư Hoàn Quan trong việc truyền bá Phật pháp, tôi đã lãnh việc ấn tống quyển Kinh TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG này, mong rằng quý vị Phật tử bốn phương sẽ hoan hỷ phụ lực góp phần công đức.

Để tiếp tục ấn tống những bộ Kinh khác do Sư Hoàn Quan đã dịch và đang dịch hiện nay, quý Phật tử nào sẵn lòng, tùy khả năng nhiều ít, cúng dường Pháp Bảo ngay bây giờ, xin liên lạc với Sư Hoàn Quan tại chùa KHÁNH VÂN, Bình Thới - Chợ Lớn hay là cùng tôi tại 545 đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, để lập thành một "Ban Ấn tống" những thứ kinh sách đã được phiên dịch ra Việt văn, hầu góp phần công đức vào việc truyền bá giáo lý, lợi lạc quần sanh.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma-ha-tát.

Sài Gòn, ngày 12-10-1967

(mùng 9 tháng 9 năm Đinh Mùi)

Bác sĩ **Cao Văn Trí**

LỜI NÓI ĐẦU

Tứ Thập Nhị Chương là một bộ Kinh được phiên dịch đầu tiên ở Trung Quốc.

Nguyên vào đời Hậu Hán (Đông Hán) niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 3 (TL. 60), một hôm, Vua Minh Đế nằm mộng “thấy một người mình vàng, cao một trượng sáu, trên đỉnh có hào quang chiếu sáng như mặt nhật, bay đến trước sân điện của nhà vua”. Sáng ra, nhà vua bèn đem điềm mộng ấy hỏi trong quần thần. Khi ấy, có ông Thái sư Phó Nghị tâu rằng “Thần nghe bên Tây Vực có vị Thánh lấy hiệu là Phật Đà, toàn thân một màu vàng kim sắc. Có khi Bệ hạ đã thấy Ngài đó chăng?”

Nghe xong, nhà vua liền sai ông Thái Hâm và Vương Tuân cùng phái đoàn cả thầy 18 người qua nước Đại Nhục Chi thuộc về Ấn Độ, để thỉnh Kinh tượng. Đi nửa đường, phái đoàn gặp hai vị Pháp sư Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dùng bạch mã chở kinh điển từ Thiên Trúc qua Trung Quốc. Mãi đến năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình (TL. 67), phái

đoàn mới về tới Lạc Dương. Bấy giờ, vua Minh Đế liền sắc chỉ cho xây cất chùa Bạch Mã để thờ Phật và Kinh, đồng thời cũng cung thỉnh hai vị Pháp sư ở đó lo việc phiên dịch, truyền bá, và bộ Kinh “Tứ Thập Nhị Chương” được hai Ngài phiên dịch trước nhất.

Tứ Thập Nhị Chương là một bộ Kinh hàm chứa được sự lý rất tinh diệu và phong phú.

Về sự, thì ngay trong chương đầu đã ghi được thành tích trước sau của Đức Thế Tôn thành đạo và nói pháp, nên Kinh này có thể làm những bài học quý báu để ghi nhớ bốn hạnh của Đức Thích Ca Từ Phụ vậy.

Về lý, thì Tứ Thập Nhị Chương bao quát tất cả giáo nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa. Ngay nơi đó, người đọc, có thể biết được pháp yếu của Phật pháp, không cần tìm tòi đâu nữa. Để chứng minh điều đó, chúng ta hãy tìm ý chỉ của mỗi chương như sau:

1) Trong 42 chương, ba chương đầu là lời dạy chung về Hạnh Quả cho cả Tam thừa, vì họ đều lấy liễu thoát sanh tử làm căn bản (Tam thừa tức là Thỉnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát). Chỗ thông nhau của họ đều lấy sự xuất gia làm NHÂN, liễu thoát sanh tử làm QUẢ. Đó là Cộng Giáo Hạnh Quả của Tam thừa vậy.

2) Từ chương 4 đến chương 8 là thuyết minh nghĩa nhân quả thiện ác của thế và xuất thế. Đây là nghĩa thiện ác thông cả Ngũ thừa. Ý trên hai nghĩa này, ta thấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều được thấu tóm không sót.

3) Từ chương 9 đến chương 38 là đặc biệt thuyết minh về Thắng hạnh của Đại thừa bất cộng. Lục độ, Vạn hạnh đều được hàm chứa trong đó. Vì thế mà trong Kinh này, giản lược nghĩa lý Tiểu thừa, thuyết minh rõ về nghĩa lý Đại thừa để đem tất cả Phật pháp về một mối.

4) Từ chương 39 đến chương 41 là nói tổng quát về Giáo, Lý và Hạnh. Giáo phải tin thọ, Lý phải thông hiểu, Hạnh phải tu trì.

5) Chương cuối cùng là tổng kết: Phải đem Phật tri mà quán sát khắp tất cả các pháp thể gian và xuất thế gian.

Y cứ trên những lý lẽ đã trình bày, thì dù cho sau này, các vị Cổ đức có phương tiện diễn nói bao nhiêu nghĩa lý trong ba tạng mười hai bộ Kinh chẳng nữa, cũng không thể vượt ra ngoài bộ Kinh Tử Thập Nhị Chương này được.

Ấy là chỗ tinh diệu, phong phú của Kinh Tử Thập Nhị Chương vậy.

*

* *

BÀI I

後漢迦葉摩藤竺法蘭同譯

A. 總起分

世尊成道已，作是最是
 思惟：離欲大寂靜，是最
 為勝；住於鹿野度橋中諸
 魔道。法輪而證道果。轉
 四諦五人所說諸尊，如復
 等有比丘止；世尊，求一
 有佛進開悟，合掌教一而
 一順尊救。

DỊCH NGHĨA**Đời Hậu Hán Ngài CA DIẾP MA ĐĂNG
và TRÚC PHÁP LAN đồng dịch****A- PHẦN TỔNG KHỞI**

Sau khi thành đạo, Đức Thế Tôn khởi niệm suy nghĩ “Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh thật là hơn hết”. Rồi Ngài an trụ đại Thiên định, hàng phục các ma đạo. Sau đó, Ngài đến vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế độ năm anh em ông Kiều Trần Như, đều chứng được đạo quả. Lại có thầy Tỳ-kheo nào trình bày các sự nghi ngờ của mình cầu Phật giải quyết, thì Đức Thế Tôn dạy vẽ rõ ràng, ai nấy đều được khai ngộ, chấp tay cung kính mà vâng lời Phật dạy.

GIẢNG NGHĨA

Thế Tôn : Tiếng Phạm gọi là Bạc Già Phạm (薄伽梵 = Bhagavat), cũng gọi là Lộ Ca Na Tha (路迦那他 = Lokannatha), cũng gọi là Bà Già Bà (婆伽婆 = Bhagavat). Ấy là danh xưng của Phật (Thế : Hữu tình thế gian). Vì Phật đầy đủ phước đức trí huệ, nên đều được mọi người tôn kính. Chữ Thế Tôn là thông danh của tất cả các Đức Phật chứ không

riêng chỉ một vị Phật nào, nhưng vì thế giới Ta-bà do Đức Thích Ca làm giáo chủ, nên chữ Thế Tôn ở đây chính là chỉ cho Đức Thích Ca vậy.

Đại định: Tức là Phật định, đây là một đức trong ba đức của Phật. Ba đức của Phật: Đại định, Đại trí và Đại bi. Tâm Phật vắng lặng sáng suốt gọi là Đại định. Dùng tâm vắng lặng sáng suốt chiếu soi tất cả pháp giới ấy là Đại trí, vì chiếu tất cả pháp giới nên đối với chúng sanh đau khổ sanh lòng cứu giúp ấy là Đại bi. Ba đức còn gọi là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức. Dùng Đại định đoạn tất cả vọng hoặc ấy là Đoạn đức, Đại trí tức là Trí đức, Đại bi tức là Ân đức. Trí đức và Đoạn đức thuộc về tự lợi, còn Ân đức thuộc về lợi tha.

Tứ đế : Cũng gọi là Tứ Chơn đế hay Tứ Thánh đế (chữ “Thánh” nghĩa là thấy được chơn lý). Chữ “đế” có nghĩa chắc thật, Tứ đế là bốn điều chắc thật không ai chối cãi được. Bốn đế lý ấy là:

1) Khổ đế:

Khổ có nghĩa là đau đớn. Theo trong Đại Luận thì: Vô lượng chúng sanh có bốn điều khổ về thân là sanh, lão, bệnh, tử; ba điều khổ về tâm là tham, sân, si. Ba món trên là cái nhân đời sau phải chịu khổ địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nói một cách tổng quát thì khổ có tam khổ và bát khổ, đều là cái khố sanh tử trong tam giới. Xét cho kỹ thì sanh tử thật là khổ, nên gọi là Khổ đế.

2) Tập đế:

Tập có nghĩa là nhóm góp, huân tập. Nếu tâm tương ứng với kiết nghiệp (Kiết nghiệp: Kiết tức là hoặc, do hoặc mà khởi ra các việc làm thiện ác gọi đó là nghiệp) thì vị lai quyết định bì huân tập nhóm góp khổ sanh tử, nên gọi là tập. Xét kỹ thì tất cả hoặc nghiệp phiền não đã gây tạo chắc chắn nó sẽ đưa đến cái khổ sanh tử trong tam giới, nên gọi là Tập đế.

3) Diệt đế:

Diệt tức là Tịch diệt hay là Niết-bàn. Kiết nghiệp đã hết không còn khổ lụy sanh tử nữa, nên gọi là Diệt. Vì các kiết sử phiền não diệt, nên những nghiệp trong tam giới cũng diệt, nếu các nghiệp phiền não trong tam giới đã diệt thì liền được Diệt đế Hữu dư Niết-bàn. Khi xả báo thân này, cái khổ quả đời sau không còn tương tục nữa, bấy giờ gọi là nhập Vô dư Niết-bàn. Xét cho kỹ thì Niết-bàn thật là vắng lặng, nên gọi là Diệt đế.

4) Đạo đế :

Đạo có nghĩa là “Năng thông”. Chánh đạo và trợ đạo giúp nhau có thể đi đến cảnh giới Niết-bàn. Xét kỹ thì Chánh đạo và trợ đạo nương nhau chắc chắn có thể đưa chúng sanh suốt đến cảnh giới Niết-bàn không hư dối, nên gọi là Đạo đế.

Chánh đạo : Là thật quán 37 phẩm trợ đạo và Tam giải thoát môn (Tam giải thoát môn chính là “Tam Tam muội hay Tam Tam ma địa”: 1) Không

tam muội. 2) Vô tướng tam muội. 3) Vô nguyện tam muội) duyên nơi Lý huệ. (Lý: Đạo lý sở quán, Huệ: Trí huệ năng quán) vận hành gọi là Chánh đạo.

Trợ đạo : Là thấu suốt được mỗi mỗi pháp đối trị và các thiên định trong khi quán gọi là Trợ đạo.

ĐẠI Ý

Đoạn này là phần duyên khởi, nói: Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, Ngài liền nhập Đại định, độ năm vị Tỳ-kheo và giải quyết các điều nghi ngờ cho họ.

GIẢI THÍCH

Thông thường Kinh Phật chia làm 3 phần chính: 1) Tự phần, 2) Chánh tôn phần, 3) Lưu thông phần. Phần tổng khởi này chính là phần tự.

SAU KHI THÀNH ĐẠO

Rời bỏ tham dục (ly dục) tức nhiên không còn tham muốn một điều gì, dầu cho điều tham muốn đó hết sức nhỏ nhiệm. Khi còn ở quả vị Bồ Tát công hạnh chưa viên mãn; vẫn chưa khởi có sự mong cầu ước muốn, đã có sự mong cầu ước muốn thì tâm có khuynh hướng, mà tâm có khuynh hướng thì phải bị dao động, đến khi thành Phật rồi thì tâm lượng viên mãn, lòng mong muốn không còn nữa. Ở đây, cái tinh thần giới vắng lặng an ổn đến chỗ cùng cực, là nghĩa

viên tịch Niết-bàn, nhưng nó là “Đại viên tịch”, là “Đại cứu cánh” nên gọi là Tối thắng.

Thiền : Nói đủ là Thiền-na (Dhyàna) có nghĩa là tĩnh lự, tức là vắng lặng tư duy. Hai chữ “Tĩnh lự” đây đồng nghĩa với hai chữ “Định huệ”. Tĩnh tức là Định; lự tức là Huệ. Định và Huệ tương ưng nên tâm được vắng lặng sáng suốt và phát ra năng lực mạnh mẽ: Thần thông, biện tài không có thứ nào là không đầy đủ, nên có thể hàng phục hết thảy các ma đạo.

Ở đây nói “ma” là y theo nghĩa “sát hại” vì nó hay làm hại những kẻ tu hành. Nói một cách tổng quát: Những cái gì quỷ quái có thể làm hại đạo đức của người chơn chánh tu hành đều gọi là ma cả. Theo trong Kinh Phật thì gọi những gì làm hư hoại Định Huệ là ma, như : Thất tình, lục dục và các bạn ác v.v...

Khi Đức Phật thành đạo, tâm Ngài vắng lặng chiếu soi, bao nhiêu ma sự ngăn ngại đạo đức đều không còn hiện trong tâm cảnh nữa, nên gọi là hàng phục các ma đạo.

Ở chánh văn: Từ “Thế Tôn... đến... hàng phục các ma đạo” là trình bày cái chơn tướng tinh thần giới về nội tâm của Đức Phật.

THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH

Buổi thuyết pháp đầu tiên tại Lộc Dã Uyển: Ở trong nước Ba La Nại thuộc xứ Ấn Độ, Đức Phật nói pháp Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là “Sơ chuyển

pháp luân”. Chữ “luân” có nghĩa là chuyển vận. Những lời thuyết pháp của Đức Phật đều đem Thắng nghĩa Tứ đế do tự tâm chứng ngộ mà chuyển vận vào trong tâm thức của tất cả chúng sanh và khiến người nghe rồi, lại chuyển vận vào tâm thức của người chưa nghe; cứ thế, như bánh xe chuyển vận không ngừng, nên gọi là “Chuyển pháp luân”.

Theo trong các Kinh chép thì: Khi mới thành đạo hoặc bảy ngày, hoặc 21 ngày, hoặc 49 ngày, Đức Phật trụ trong thiền định sâu nhiệm là thời kỳ thọ dụng pháp lạc Vô thượng Chánh Biến Giác, tức là đoạn này nói: “Rời bỏ tham dục... an trụ Đại thiền định v.v...”. Mười phương chư Phật và Bồ Tát đồng ở trong diệu định này mà thọ pháp lạc, nhóm đại pháp hội để nói các kinh điển thâm thâm gọi là “Đạo tràng tịch diệt”. Nhưng phàm phu không hề hay biết, vì Đức Phật chỉ nhập Đại thiền định mà thôi. Xét ra, Kinh giáo Đại thừa, như “Hoa Nghiêm, Đại Tỳ Lô v.v...” đều nói ở trong định này. Còn tại Lộc Dã Uyển, Đức Phật nói pháp Tứ đế là bốn bộ A Hàm v.v... Khi thuyết pháp, Đức Phật vì các vị Tỳ-kheo giải quyết những điều nghi ngờ khiến cho họ mỗi mỗi đều được khai ngộ. Đây là thời thuyết pháp các bộ Phương Đẳng Đại thừa, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn v.v... ấy là một đời thuyết pháp của Đức Phật vậy.

Trong đoạn văn này: Từ câu “Khởi niệm suy nghĩ... hàng phục các ma đạo”, là nói về Quả tự lợi được đầy đủ, từ “Ở Lộc Dã Uyển...” là nói Quả lợi tha đầy đủ, thế là tự lợi và lợi tha đều viên mãn vậy.

Đoạn văn này còn nói đến sự thành tựu ba đức và viên mãn bốn thân của Phật:

Ba đức : Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh là “Đoạn đức”; an trụ Đại thiên định là “Trí đức”; nói pháp độ sanh là “Ân đức”.

Bốn thân : Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh là “Pháp thân”; an trụ Đại thiên định là “Tự thọ dụng thân”; nói pháp độ sanh là “Tha thọ dụng và Ứng hóa thân”.

*

* *

BÀI II

B- 正說分

I- 三乘共教行果

1- 證出世果

第一章。佛言：辭
 第一家，識心達本，
 為法，名曰沙門，
 行二，百五十四，
 淨，為十四，道
 阿羅漢，阿羅
 能飛，變動，地
 命，住含，阿那
 阿壽，那終靈，上
 為壽，阿壽，神，十
 者，阿壽，神，十
 者，阿壽，神，十

親解。進行漢曠。含

九 天 ， 證 阿 羅 漢 。 次
 為 斯 陀 含 ， 斯 陀 含 者
 : 一 上 一 還 即 得 阿 羅
 漢 。 次 為 須 陀 洹 ， 須
 陀 洹 者 : 七 死 七 生 便 者
 證 阿 羅 漢 。 愛 欲 斷 者
 如 四 肢 斷 不 復 用 之 。

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH THUYẾT

I- HẠNH QUẢ CỦA TAM THỪA CỘNG GIÁO

1- CHÚNG QUẢ XUẤT THẾ

CHƯƠNG I

Phật dạy : Những người từ già cha mẹ đi xuất
 gia, nhận biết tự tâm rõ suốt bản tánh, ngộ pháp
 Vô vi, gọi là bậc Sa-môn, thường giữ gìn 250 giới,
 sống đời thanh tịnh, tu hành bốn món Chơn đạo,
 thành bậc A-la-hán. A-la-hán là những vị có thể
 phi hành biến hóa, mạng sống lâu dài, an trụ ở đời
 động cả trời đất. Kế là A-na-hàm, những vị A-na-

hàm, khi mạng chung Linh thần sẽ sanh lên cõi trời thứ 19 thì chứng được quả A-la-hán. Kế đó là Tư-dà-hàm, những vị Tư-dà-hàm này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh xuống cõi người thì chứng được quả A-la-hán. Kế đó nữa là Tu-dà-hoàn, những vị Tu-dà-hoàn còn phải bảy lần sanh và bảy lần tử mới chứng được quả A-la-hán. Những vị này đoạn ái dục như đoạn tứ chi không còn dùng nữa được.

GIẢNG NGHĨA

Xuất gia : Đi tu, có 3 nghĩa: Xuất tĩ ế tục gia, Xuất phiền não gia và Xuất tam giới gia.

Sa-môn : Chỉ cho những người xuất gia. Bên Ấn Độ, danh từ này không phải riêng chỉ cho Phật giáo đồ mà chỉ chung cho tất cả bậc tu hành bất luận ở đạo nào.

Tu bốn món Chơn đạo : Tức quán Tứ Đế hay quán Tứ Niệm Xứ.

Linh thần : Thần thức linh diệu, chủ trị thể xác con người, chính là Đệ bát thức.

Pháp Vô vi : Pháp không tạo tác, không bị sự chi phối của bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt gọi là Vô vi. Vô vi cũng chính là tên khác của chơn lý. Pháp Vô vi gồm có sáu thứ:

1) *Hư không Vô vi* : Pháp tánh xưa nay xa lìa các chướng, vắng lặng như hư không.

2) *Trạch diệt Vô vi* : Trạch diệt Vô vi còn gọi là Số diệt Vô vi (Số tức là pháp số, vì pháp hữu vi số lượng rất nhiều, nên dùng chữ số để chỉ chung, nó đồng nghĩa với chữ trạch). Dùng sức trí huệ để giản trạch lý của sự vật. Vì nhờ sức trí huệ giản trạch mà dứt được phiền não, hiển bày được Diệt đế gọi đó là Trạch diệt. Thật thể của Diệt đế chính là Niết-bàn. Trong cái thể của Niết-bàn không có các tướng hữu vi, nên đối với hữu vi gọi nó là Vô vi.

3) *Phi trạch diệt Vô vi* : Phi trạch diệt Vô vi cũng gọi là Phi số diệt Vô vi. Vì thật thể của Diệt đế (Pháp tánh) xưa nay vắng bật các chướng xa hẩn phiền não không phải nhờ đến sức của trí huệ giản trạch mà được, nên gọi là Phi trạch diệt.

4) *Bất động Vô vi* : Khi sanh lên cõi Tứ thiên, Pháp tánh xa lìa khổ thọ và lạc thọ, vì xa được sự thô động của hai thọ, nên gọi là Bất động.

5) *Tướng thọ diệt Vô vi* : Khi vào Thánh vị, thì Diệt tận định thuộc về cõi Phi phi tướng đã diệt được tâm tướng của sáu Thức và hai món thọ mà được hiển bày, nên gọi là Tướng thọ diệt.

6) *Chơn như Vô vi* : Vì Pháp tánh xưa nay chơn thật thường NHƯ nên gọi là Chơn như.

Trong năm món Vô vi trước, chỉ là từ Pháp tánh hiển thị sự sai biệt giả lập. Năm món trước là nói đến giả danh về phần tướng của Pháp tánh, còn một

món sau là nói đến giả danh về phần thể của Pháp tánh.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia làm Sa-môn giữ giới thanh tịnh và tu theo bốn món Chơn đạo, tùy chỗ dụng công cao thấp mà chúng được một trong bốn quả xuất thế.

GIẢI THÍCH

Kinh này, trước tiên là nói về Tam thừa Cộng giáo. Chữ “CỘNG” đây có nghĩa là “THÔNG”. Theo Thiên Thai tôn thì CỘNG GIÁO chính là Thông giáo trong Tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên). Tam thừa là Thinh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Điều nên biết là trong Bồ Tát thừa bao giờ cũng gồm có nghĩa lý của hai thừa kia, còn hai thừa kia không thể bao quát được nghĩa lý của Bồ Tát thừa.

Về Cộng giáo, người ta còn nhận thấy cái Hạnh để tu cái Quả để chứng, nên gọi là “Hạnh Quả của Tam thừa Cộng giáo”.

Trong đây, Sa-môn chính là chỉ những vị xuất gia tu hành theo Phật giáo. Những vị này siêng năng tu giới, định, huệ và cố gắng dứt các phiền não: tham, sân, si, nên Sa-môn cũng dịch là Cần Túc. Nếu như tham, sân, si phiền não dứt hết rồi thì đã được thoát khỏi sanh tử. Nhưng ở đây, cần phải tu giới, định,

huệ; mà muốn tu Giới, Định, Huệ thì trước tiên phải từ thân xuất gia. “Từ thân” có hai ý nghĩa:

1) Vâng theo lời cha mẹ, hoặc được cha mẹ cho phép.

2) Từ bỏ thân thuộc để đoạn các sự triền phược. Chữ “gia” là chỉ cả gia tộc và tài sản, xuất gia chính là từ biệt gia tộc xả bỏ tài sản.

Nhưng cao hơn một tầng nữa, hai chữ “xuất gia” còn có nghĩa “ra khỏi nhà Tam giới”. Chúng sanh từ hồi nào đến giờ lưu chuyển trong các thú, nhận Tam giới là nhà nên thường thọ các nghiệp báo hữu lậu. Trong Kinh Pháp Hoa, ví ba cõi như lao ngục hay như nhà lửa, cần phải ra khỏi, nên thâm nghĩa của hai chữ “xuất gia” chính phải ra khỏi Tam giới mới là cứu cánh. Vì lẽ đó nên muốn được quả Sa-môn cần phải tập hạnh xuất gia, muốn tập hạnh xuất gia thì phải “Thức tâm, Đạt bốn và Hiểu rõ Pháp Vô vi”. Nếu như không thể “Thức tâm, Đạt bốn” thì dù có xuất gia cũng không thể gọi là “Sa-môn” được.

Thức tâm là nhận biết nguồn tâm của mình, đạt bốn là hiểu rõ cái lẽ nhiệm mầu của Phật. Ở đây nói “Thức tâm, Đạt bốn” chính ở chỗ khác gọi là “Minh tâm Kiến tánh” vậy. Tâm là vua của muôn pháp, chúng sanh bị sanh tử luân hồi đều do tâm tạo ra, nên tâm hay biến hóa tất cả, tạo tác tất cả, lãnh thọ tất cả. Nếu như tâm bất giác thì tâm không thể làm chủ được mà phải tùy nghiệp lưu chuyển nên nhưt

định phải “Thức tâm Đạt bốn” mới có thể chuyển tất cả nghiệp và tự làm chủ lấy.

Tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều do nhân duyên sanh ra và các nhân duyên đó đều do tâm hoạt động tạo tác mà thành. Vì tâm hàm chứa muôn pháp mà muôn pháp lại làm duyên tăng thượng cho tâm; nên “Thức tâm” chính là biết rõ “*Tam giới Duy tâm, muôn Pháp Duy thức*”. Vì lẽ đó mà người tu Phật cần phải biết được tự tâm. Còn “Đạt bốn” cũng chính là hiểu suốt cái “Bản lai diện mục”. Bản lai diện mục tức là cái tướng chơn thật của muôn sự muôn vật xưa nay bình đẳng. Ở đây người ta thường nói là Thật tướng của các pháp.

Các pháp đều từ nhân duyên mà sanh, không có thật thể. Chẳng khác nào một đoàn thể, sự hoạt động của đoàn thể ấy đều không có một tự thể, nên thể tánh của nó chỉ là không. Các pháp cũng thế, tánh của nó là không. Cái Tánh KHÔNG đó chính là Thật tướng của các pháp. Thật tướng của các pháp xưa nay là như thế. Nếu ai có thể đạt đến chỗ ấy, gọi là “Đạt bốn”.

Tóm lại “Thức tâm” tức là hiểu được cái nghĩa duyên sanh Tục đế, còn Đạt bốn là hiểu được cái nghĩa Tánh không Chơn đế. Chẳng những Bồ Tát phải ngộ được nghĩa này mà ngay nơi hàng Nhị thừa cũng phải thấu suốt.

Vô vi pháp là Pháp không tạo tác, gồm có hai nghĩa:

1) Tất cả Nhân duyên sanh pháp, Tánh nó vốn không, cái tánh không này, nó không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt, xa lìa sự tạo tác. Ấy là nghĩa của Vô vi pháp (Niết-bàn).

2) Vì Thức tánh không, nên tất cả phiền não sanh tử đều có thể giải thoát. Nhưng muốn được giải thoát, phải y cứ trên trí huệ sanh ra do “Thức tâm Đạt bốn” để diệt trừ phiền não. Vì phiền não diệt, nên nghiệp diệt, nghiệp diệt tức nhiên giải thoát sanh tử và được thường an trụ Niết-bàn, là Vô vi pháp. Đây là nghĩa của Quả Vô vi pháp chứng được. Nếu ai thông đạt được các nghĩa trên, gọi là bậc Sa-môn, còn như ai do công tu hành là được quả thù thắng, thì gọi là Sa-môn quả. Vì lẽ đó mà bốn quả Thanh Văn cũng gọi là bốn quả Sa-môn vậy.

*

* *

BÀI III

2. 修出家行

第 二 章 。 佛 言 ：
 出 家 沙 門 者 ， 斷 欲
 去 愛 深 理 ， 心 源 ， 為
 達 佛 內 無 所 得 無 為
 法 所 求 ， 心 不 繫 外
 無 亦 不 結 業 ， 無 念 道
 作 非 修 非 證 崇 最 無 歷
 諸 位 而 道 。 章 。 佛 言 名
 之 為 三 鬚 髮 而 為 沙 門
 剃 除 道 法 者 ， 去 世

資財，乞求取足，日
 中一食，樹下一宿，
 慎勿再矣！使人愚蔽
 者，愛與欲也。

DỊCH NGHĨA

2) TU HẠNH XUẤT GIA

CHƯƠNG II

Phật dạy rằng : Những bậc xuất gia làm Sa môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mâu của Phật, ngộ Pháp Vô vi, trong không sở đắc, ngoài không sở cầu; tâm không ràng buộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được; chẳng cần trải qua các vị mà tự nó cao tột, gọi đó là Đạo.

CHƯƠNG III

Phật dạy rằng : Cạo bỏ râu tóc làm bậc Sa môn, là người thọ lãnh Đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, mong cầu vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại. Phải biết rằng: Những điều khiến cho người tu ngu tệ là ái và dục.

GIẢNG NGHĨA

Nguồn tâm : Tâm là căn nguyên của muôn pháp, gọi là nguồn tâm. Trong Luận Bồ Đề Tâm nói rằng: Nếu vọng tâm nổi dậy, phải biết mà chớ theo vọng; khi vọng dứt rồi, thì nguồn tâm vắng lặng, muôn đức đầy đủ, diệu dụng vô cùng.

Sở đắc : Những điều do mình chứng được nhờ sự nghiên cứu và tu tập.

Sở cầu : Những điều mong cầu của mình như người tu hành mong được các pháp Thần thông diệu dụng.

Kiết nghiệp : Kiết là phiền não, Nghiệp là động lực thúc đẩy. Kiết nghiệp tức là nghiệp phiền não. Chúng sanh có sanh tử luân hồi đều do sự thúc đẩy (nghiệp) của phiền não gây ra.

ĐẠI Ý

Bài này nói về Hạnh xuất gia: Chương thứ hai là nói phải như thế nào mới được gọi là Đạo. Chương thứ ba là nói: người xuất gia cần phải đoạn ái và dục.

GIẢI THÍCH

Trong ba chương đầu đều nói về việc xuất gia, nhưng chương I chuyên nói về Quả xuất gia, còn 2 chương này thì chỉ nói về Hạnh xuất gia.

Trong câu: “Dứt bỏ ái dục”, Dục ở đây chính là một trong 51 món Tâm sở, tức là món Tâm sở thứ

nhứt trong năm món Biệt cảnh. Hiện nay theo Tâm lý học, Tâm sở hữu pháp, người ta thường gọi là tác dụng của tâm. Trong Phật pháp thường chia tác dụng của tâm ra làm 51 thứ. Gọi là 51 món Tâm sở.

“Dục” có nghĩa là mong muốn. Tâm sở DỤC vốn thông cả ba tánh là thiện, ác và vô ký, như phát tâm Bồ-đề muốn liễu thoát sanh tử và muốn dứt ác làm lành, ấy là thiện tánh; do lòng tham lam muốn giết người lấy của v.v... ấy là ác tánh; còn như tùy nghiệp thọ báo, nhậm vận phát sanh, ấy là vô ký tánh. Trong đây nói đoạn dục chính là chỉ đoạn ác dục và vô ký dục mà thôi.

Dục có 5 thứ, vì Dục giới có 5 thứ cảnh trần, nên chúng sanh có 5 thứ dục, như: Mắt thì muốn nhìn sắc đẹp, Tai thì muốn nghe tiếng hay, Mũi thì muốn ngửi mùi thơm, Lưỡi thì muốn nếm vị lạ, Thân thì muốn sự xúc chạm. Các món ái dục này bình thường nó là vô ký, nhưng kèm theo sự yêu, ghét, tà kiến mà thành ra dục bất thiện.

Ngay nơi mỗi người cũng có 5 thứ dục:

- | | |
|-------------|--------------|
| 1) Tài sản. | 4) Ăn uống. |
| 2) Sắc đẹp. | 5) Ngủ nghỉ. |
| 3) Danh dự. | |

Năm món này người ta gọi là: Tài, sắc, danh, thực, thù.

Hai món ngũ dục trên là chỉ những thứ dục bất thiện, vô ký của chúng sanh trong Dục giới, các dục này không trừ, chẳng những không thể tu thiền định được, mà còn luôn luôn bị tù hãm trong Dục giới. Theo lời Đức Phật, thì Dục giới do những thứ dục này mà đặt tên.

Người được ra khỏi Dục giới sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới đều nhờ thiền định mà thành tựu. Nhưng chúng sanh muốn ra khỏi Dục giới nếu không đoạn dục thì không bao giờ được. Vì thế mà đây nói “đoạn dục”. Khử ái tức là trừ khử lòng ái trước. Lòng ái trước này bao quát cả nghiệp quả trong Tam giới. Từ Sắc giới trở lên, các dục ngũ trần tuy đã đoạn, nhưng đối với cảnh giới thiền định vẫn còn ái trước, nên tâm thiền định này tức thời hòa hợp với tham si, không thể thoát khỏi được phiền não. Như đã được Sơ thiền mà sanh lòng ái trước thì liền sanh lên cõi Sơ thiền thiên. Như thế, suy rộng ra thẳng đến các cõi: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi phi tướng xứ cũng đều như thế cả. Ái là phiền não thông cả Tam giới, nên muốn ra khỏi Tam giới cần phải “khử ái”. Tóm lại, dục thì chỉ hạn cuộc trong Dục giới, còn “ái” thì cả Tam giới đều có. “Dục” là một trong năm món Tâm sở biệt cảnh, còn “ái” là tham Tâm sở trong căn bản phiền não.

Trong bốn Quả Sa-môn, hai quả đầu vẫn chưa đoạn dục, đến quả thứ ba mới đoạn được dục, nên gọi là quả vị Ly dục.

Về Đại thừa bát cộng giáo là lấy Từ bi làm gốc. Nhưng Từ bi của Đại thừa cần phải do sự “Đoạn dục khử ái” mới được thành tựu. Bởi vì chẳng “đoạn dục khử ái”, thì “Từ bi” của họ cũng chỉ là do ngã ái phát sanh. Nếu chẳng được vô ngã thì tất nhiên không thể thành tựu được Hạnh Từ bi bình đẳng. Vì lẽ đó, nên việc làm của bậc Sa-môn là phải “Đoạn dục khử ái”.

Câu “Nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mầu của Phật”. Chữ “nguồn tâm” ở đây chính là chỉ 12 món duyên khởi. Mười hai món duyên khởi là: 1) Vô minh, 2) Hành, 3) Thức, 4) Danh sắc 5) Lục nhập, 6) Xúc, 7) Thọ, 8) Ái, 9) Thủ, 10) Hữu, 11) Sanh, 12) Lão tử. Sự sanh tử lưu chuyển xoay vần không dứt và bao nhiêu nghiệp báo của chúng sanh đều duyên nơi vô minh tự tâm mà sanh ra. Hành tướng của tâm vô minh khởi diệt vô thường, sát-na biến đổi. Trong sự lưu hành biến động tức có cái hiểu biết phân biệt huân Thức chủng (chủng tử của Thức). Thức chủng này là cái nhen sē thọ nghiệp báo về sau. Thức chủng bao gồm cả: Ngũ uẩn, Lục nhập, Xúc và Thọ. Ở trong cái Hiện thức hễ gặp cảnh thuận thì sanh “ái”, gặp cảnh nghịch thì sanh “sân”, phát ra ba nghiệp, lại tươi nhuận thêm cho Thức chủng ở trước, tức là tươi dưỡng chủng tử nghiệp báo để thọ thân sau, khi báo thân hết mạng chung thì lại theo nghiệp mà thọ sanh, cứ như thế tuần hoàn chẳng dứt và không bao giờ cùng tận.

Như trên, để quan sát nguồn tâm, chúng ta có thể biết rằng: Sự sanh tử tiếp nối đều do nghiệp lực chiêu cảm, mà cái nghiệp này lại y trên Thức chủng, Thức chủng lại do vô minh lưu hành dẫn sanh ra. Vì bản nguyên đều do vô minh nên liền đó phải giác ngộ tâm vô minh này để tự cầu giải thoát. Vì thế nên nói “Nhận biết nguồn tâm của mình” cũng chính là nói “Minh tâm” vậy.

Nhưng làm sao mới có thể tự biết được nguồn tâm?

- Nhứt định phải có Đại trí huệ, nên phải “hiểu rõ lý mâu của Phật”.

Nên biết rằng: vô minh, sanh tử chẳng phải do Thần tạo, chẳng phải do Hư không sanh ra, cũng chẳng phải tự nhiên có. Bao nhiêu lý thuyết của thế gian và các Tôn giáo nói đều là sai lầm, phải đả phá mới có thể hiểu được các Pháp đều do nhân duyên sanh. Vì “duyên sanh” nên các duyên lẫn nhau hòa hợp mà tâm chính là tất cả Pháp, tất cả Pháp chẳng rời nhứt tâm. Thế nên, ngay trong một niệm, Tâm chính là Pháp giới Vô ngại.

Phàm phu, vì tự mê tâm tánh, chấp có ngã pháp, kỳ thật chỉ là mộng huyễn, không có thật thể, nên phải “hiểu rõ lý mâu của Phật”. Khi lý Phật đã rõ rồi thì phải quán chiếu mới có thể lần lần phá trừ được vô minh. Ấy là do “duyên sanh như huyễn” mà rõ được “Tự tánh bốn không”, chẳng phải trừ khử cái pháp “Duyên sanh như huyễn” mới có thể chứng

được. Vì “Duyên sanh như huyễn” nên biết được “Tự tánh bản không”. Cũng do “tự tánh bản không” nên mới biết “Duyên sanh như huyễn”. Hiểu được cái Lý Trung đạo chơn tục chẳng hai này, gọi là “hiểu rõ lý mâu của Phật”, cũng gọi là “Kiến tánh” vậy.

Câu “Ngộ pháp Vô vi” là các pháp Tự tánh vốn không, chẳng cần phải chứng minh rồi sau mới thấy như thế, mà lúc chưa ngộ, xưa nay cũng như thế. Đó vì pháp Vô vi chẳng phải mới có, chỉ cần thân chứng mà thôi, nên gọi là “ngộ Pháp Vô vi”.

Câu “Trong không sở đắc, ngoài không sở cầu” là “Pháp Vô vi” phải từ Vô phân biệt trí thân chứng. Nếu vừa có chút phân biệt thì liền trở thành Pháp định tánh, chẳng hợp với Pháp tánh vô tánh chơn không. Bởi vì tất cả Pháp phân biệt đều do đối đãi mà thành; hễ có đối đãi thì tức là chẳng phải thường Pháp, phổ biến, đó là hư vọng. Tất cả sự vật trên thế gian này đều do đối đãi mà được an bày. Như “không” thì đối với “có”, “ra” thì đối với “vào”, “lên” thì đối với “xuống” v.v... phải không phân biệt mới hợp với Pháp tánh Vô vi, nên nói là “trong không sở đắc, ngoài không sở cầu”. Vì trong, ngoài đều vắng lặng, nên “sở đắc” và “sở cầu” đều chẳng thành lập.

Câu “Tâm không ràng buộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp” là khi chưa chứng Pháp tánh về trước, trong tâm không lúc nào rời đạo. Nói “không

rời Đạo thì đủ chứng tỏ, chưa ngộ được Pháp tánh Vô vi". Như đã chứng Đạo rồi thì ngoài tâm còn cái Đạo gì phải gìn giữ.

Thành Duy Thức Luận có bài tụng rằng:

Hiện tiền lập thiếu vật,

Vị thị Duy Thức tánh,

Dĩ hữu sở đắc cố,

Phi thật trụ Duy Thức.

Dịch nghĩa:

Hiện tiền còn chút vật,

Gọi là Tánh Duy Thức,

Vì còn có sở đắc,

Chẳng thật trụ Duy Thức.

Khi thân chứng thì tâm chẳng ràng thuộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, (kiết tức là phiền não kiết).

Quả Tu-đà-hoàn là bậc Kiến đạo, về việc đối trị phiền não, tuy chưa diệt hết, nhưng nghiệp sanh tử do phiền não chiêu cảm không còn khởi nữa. Đến quả A-la-hán, đối với các nghiệp phiền não mới đoạn hết, nên nói là "cũng chẳng còn kiết nghiệp".

Bốn câu trước đều chỉ những bậc ngộ Pháp Vô vi, phàm phu chưa được chứng nhập, mặc dầu phàm phu vẫn có Thiên định, Thần thông, nhưng chỉ là Thiên định, Thần thông của thiên nhơn, quỷ thần mà thôi.

Câu “Dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được” là nói “pháp tánh Vô vi” cần phải thân chứng. “Dứt sự suy nghĩ” là không có sự suy nghĩ, dối đời. Vì “Pháp tánh chơn không” thường hằng bình đẳng. “Dứt sự tạo tác” là Pháp tánh chơn không chẳng phải do tạo tác mà thành tựu. Vì bản lai vẫn một màu như thế, chẳng phải do Phật và Bồ Tát tu hành mới hiển phát, nên nói là “chẳng phải do tu”. Chẳng phải do công tu hành mà chứng được đạo quả như thế, nên nói là “chẳng phải chứng được”. Chẳng trải qua các vị, từ vị Phật đến vị phàm phu đều lấy “Chơn không pháp tánh” làm Chơn thật tánh, ấy gọi là Đạo thể. Nên cái Đạo thể này cần phải chứng ngộ.

Nói “cạo bỏ râu tóc” là nói về hình tướng Sa-môn. Còn từ câu “thọ đạo pháp” là nói về Hạnh Sa-môn.

Bỏ của cải ở đời, vì của cải là đầu mối ngũ dục. Giữa ngày ăn một bữa, tức là trừ bỏ “thực dục”. Mong cầu vừa đủ tức là trừ bỏ “danh dục”. Dưới gốc cây nghỉ một đêm, tức là trừ bỏ “thùy dục”.

Y theo Phật pháp thì thân này không có giá trị tồn tại, nhưng phải mượn nó để làm chỗ nương chứng Đạo, nên giữa ngày chỉ ăn một bữa, dưới gốc cây nghỉ một đêm, tạm thời đủ sống mà thôi.

Nhơn vì ái dục nó hay sai khiến con người si mê, nên phải trừ bỏ ái và dục. Người chuyên tâm tinh tấn thực hành theo nếp sống này gọi là Hạnh Tỳ-kheo, cũng gọi là Hạnh Đầu-đà.

Hai chương trước là nói về lý do của hạnh xuất gia và chứng bốn quả, còn chương này nói về Pháp liễu sanh thoát tử của Tam thừa. Bởi vì Nhân Thiên thừa không thể siêu thoát sanh tử, chỉ có Thanh Văn, Bích Chi và Bồ Tát mới đạt đến cảnh giới ấy mà thôi.

*

* *

BÀI IV

II. 五乘善惡通義

第四章。佛言：眾
 生以十事為三，口四殺，意盜，
 淫惡。口，妄言，綺語。癡道若
 意。如名十惡十善行。耳。

DỊCH NGHĨA

II- THÔNG NGHĨA THIỆN ÁC CỦA NGŨ THỪA

CHƯƠNG IV

Phật dạy rằng: Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác.

Những gì là mười?

- Thân có ba, khẩu có bốn, ý có ba. Thân có ba là: Sát, Đạo và Dâm; Khẩu có bốn là: Nói hai lưỡi, Nói hung ác, Nói hư dối và Nói thêu dệt; Ý có ba là: Tật đố, Sân hận và Ngu si. Mười việc như thế không thuận Thánh đạo, gọi là mười hành vi ác, mười hành vi ác này nếu dứt, thì gọi mười hành vi thiện mà thôi.

GIẢI NGHĨA

Chúng sanh : Có ba nghĩa:

1. Chúng pháp sanh nghĩa
(nghĩa là nhiều pháp hợp lại mà sanh).
2. Chúng loại sanh nghĩa
(nghĩa là nhiều loại hợp lại mà sanh).
3. Thọ chúng đa sanh tử nghĩa
(nghĩa là chịu nhiều sự sanh tử).

ĐẠI Ý

Chương này Đức Phật nói Thập thiện và thập ác, ấy là thiện ác thông cả 5 thừa, thiện ác không

phải cách biệt, chỉ dứt mười điều ác chính là 10 điều thiện.

GIẢI THÍCH

Ở đây nói về thập ác, văn nghĩa rất rõ ràng còn Thập thiện chính là do dứt trừ thập ác, nhưng sâu cạn có hai nghĩa khác nhau: nghĩa cạn, hàng phạm phu muốn hoàn thành nhân cách: còn nghĩa sâu, thì đến Bồ Tát đệ Nhị địa vẫn còn có vi tế bất thiện, chỉ đến quả vị Phật mới có thể tu hành Thập thiện hoàn toàn (muốn hiểu rõ đoạn này, xin đọc thêm bộ Kinh Thập Thiện cùng một dịch giả, bài số 7).

*

* *

BÀI V

第 五 章 。 佛 言 ： 人
 有 眾 過 而 不 自 悔 ， 頓
 息 其 心 ， 罪 來 赴 身 ， 廣
 如 水 歸 海 ， 漸 成 深 非
 。 若 人 有 過 自 解 知 消
 ， 改 惡 行 善 ， 罪 自 得
 滅 ； 如 病 得 汗 ， 漸 得
 痊 損 耳 。
 第 六 章 。 佛 言 ： 惡
 人 聞 善 故 來 擾 亂 者 ，
 汝 自 禁 息 ， 當 無 瞋 責
 ， 彼 來 惡 者 而 自 惡 之
 。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG V

Phật dạy rằng : Người có những điều lỗi mà chẳng tự hối, mau dứt lòng quấy, thì tội lại dần vào thân như nước trở về biển, dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi mà tự nhận biết lỗi, cải ác làm lành, thì tội tự tiêu diệt, như bệnh được xuất hạn lần lần thuyên giảm.

CHƯƠNG VI

Phật dạy rằng : Người ác nghe ai làm điều lành quyết đến phá đó, vậy các ông nên tự ngăn dứt chớ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến thì họ sẽ chịu điều ác đó.

GIẢNG NGHĨA

Tự hối : Tự mình hối hận, ăn năn mà sửa lỗi, không đợi ai nhắc.

Cải ác : Đổi những điều ác ra thành những điều thiện, tức là đổi mười ác nghiệp trở thành mười thiện nghiệp.

Tiêu diệt : Trừ mất hẳn đi.

Xuất hạn : Ra mồ hôi.

Thuyên giảm : Bớt bệnh.

ĐẠI Ý

Người có lỗi phải mau sám hối để cải tiến và khi làm điều lành gặp người ác phá hoại, không nên giận tức, thì điều quấy sẽ về họ.

GIẢI THÍCH

Người có tội lỗi mà không biết sám hối để sửa chữa thì tội lỗi mỗi ngày một thêm, quyết phải đọa vào tam đồ. Theo Đạo Phật thì lúc nào cũng tự do, nên tội lỗi kia chỉ do tâm sanh, rồi cũng do tâm diệt. Ấy là chỉ y cứ nơi tự tâm chớ chẳng phải như các Tôn giáo bảo quyết là do nơi kẻ khác.

Thường thường, người ta không thích làm việc thiện, vì thế mà người làm điều thiện dễ bị người khinh miệt, ganh ghét nên chẳng muốn làm. Phật rất rõ tâm lý ấy mới khuyên chúng đệ tử cố nhẫn nhục mà làm, không nên giận trách, vì người gây điều ác sẽ chịu lấy quả ác.

*

* *

BÀI VI

有仁默：不曰子子猶，惡
 大佛曰：人對今，！形為
 言，佛，問其？：納矣隨勿
 佛，佛，乎言不身之慎
 道，罵止人子佛今子影，
 章守致罵從歸！我歸，離
 七吾故。禮禮矣，禍聲免
 第聞，對以，歸我持應無
 人慈，不子納：罵自響終！
 惡唾已
 ：而從
 言天還
 佛仰，
 猶天，
 章者至
 八賢不
 第害唾
 人，

墮；逆風揚塵，塵不至彼，還全己身，賢不可毀，禍必滅己。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG VII

Phật dạy rằng: Có người nghe Ta giữ đạo, thực hành lòng Đại nhân từ, nên đến mắng Ta, Ta làm thinh không đáp. Người kia thôi mắng. Ta hỏi rằng: Ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng ?

Đáp rằng: Về chứ !

Phật nói rằng: Nay ông mắng Ta, giờ Ta không nhận thì ông tự chuốc lấy họa về thân ông rồi, cũng như “vang theo tiếng, bóng theo hình” hẳn không hề rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác.

CHƯƠNG VIII

Phật dạy rằng : Kẻ ác hại người Hiền chẳng khác nào ngược lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng đến trời mà trở lại rơi nhằm mình; ngược gió giê bụi, bụi chẳng đến người, trở lại dính vào thân. Người Hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

GIẢNG NGHĨA

Thực hành : Làm thành ra sự thật, làm một cách cụ thể.

Đại nhân từ : Lòng thương yêu rất rộng rãi của Đức Phật.

Lễ vật : Vật phẩm cúng tế, hay tặng biếu.

ĐẠI Ý

Hai chương này tiếp ý chương trước, Đức Phật khuyên chúng ta không nên làm ác, và hại người Hiền, vì người Hiền không thể hại được mà họa lại đến thân.

GIẢI THÍCH

Đức Phật dạy: Mọi người chớ làm điều ác, vì làm ác họa sẽ vướng vào thân như bóng với hình, như vang theo tiếng, không rời ra được. Thế nên, chúng ta biết Đức Phật không phải như quỷ thần tác oai, tác phước cho mọi người, chẳng qua là Ngài phát minh ra Lý nhân quả và bảo người chớ gây nhân ác mà thôi. Vì lẽ đó, chúng ta khi làm lành không cần phải cầu Phật giúp, mà khi làm điều ác cũng chẳng có thể kêu Đức Phật cứu được. Trong sách Nho có câu: *"Trời gây tai họa còn có thể tránh được, chớ tự mình gây tai họa không thể tránh được"* cũng chính là ý đây vậy.

BÀI VII

III-大乘不共勝行

1) 立信願

第九章。佛言：博聞愛道，道必難會；志奉道，其道甚大。

2) 修六度

a) 布施度

第十章。佛言：賭人得施福甚大。助之歡喜，曰：此福盡乎？佛言：譬如一炬之火，數千

百人各以炬來分取，
 熟食除冥，此炬如故
 ，福亦如之。

DỊCH NGHĨA

III. THẮNG HẠNH BẤT CỘNG CỦA ĐẠI THỪA

1. LẬP TÍN NGUYỆN

CHƯƠNG IX

Phật dạy rằng : Những kẻ học rộng mền Đạo, thì Đạo ắt khó gặp, còn những kẻ thủ chí hành Đạo, thì Đạo kia rất lớn.

2. TU LỤC ĐỘ

a) Bồ thí độ

CHƯƠNG X

Phật dạy rằng : Thấy người làm Đạo bồ thí vui vẻ giúp đỡ thì được phước rất lớn.

- Có thầy Sa-môn hỏi rằng: Phước ấy có hết không?

Phật dạy : Thí như lửa của một cây đuốc, vài trăm ngàn người đều dùng đuốc đến chia nhau mà lấy để nấu ăn hay thắp sáng, nhưng cây đuốc kia vẫn như cũ. Phước người bồ thí cũng như thế.

GIẢNG NGHĨA

Thủ chí : Giữ vững chí nguyện của mình, luôn luôn mong cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hành đạo : Thực hành theo đạo nghiệp.

ĐẠI Ý

Phật dạy: Muốn được đạo phải lập Tín Nguyện cho vững chắc và người tu hạnh bố thí được công đức rất lớn.

GIẢI THÍCH

Những người học rộng mên đạo tức là chỉ những vị bác học thông suốt các môn học vấn trên thế giới. Họ bước chân vào con đường tìm đạo, nhưng đa số những người này, hoặc lòng mong muốn mệnh mệnh, không chỗ quy hướng, hoặc do chỗ sở học của mình mà có tâm mên đạo Vô thượng vi diệu, họ không thể đem sức tự thân ra hành Đạo, nên đối với họ, đạo tất nhiên là khó đạt được. Còn những người thủ chí nơi Đạo mà hành Đạo, mới là cái đạo Vô thượng Đại giác

“Chí” là “chí nguyện”, tức là chánh tín chắc chắn biến thành chí nguyện kiên cố. Chúng ta như nghe pháp mà hiểu biết được Phật pháp cùng với tất cả pháp thế gian không đồng. Bởi vì Giáo pháp của Phật chính từ trong vô lậu Đại giác lưu xuất, để giáo hóa người đời, chẳng phải các học thuyết hữu lậu trên thế giới có nhiều mối tẻ mà có thể so sánh được. Nếu

muốn liễu ngộ được pháp ấy, trước hết phải dùng Tín tâm lãnh thọ, hơn vì Phật pháp rộng lớn quá, dù là bậc bác học thâm cầu, nhưng lúc chưa đạt đến Phật quả, thì không thể nào hiểu biết hoàn toàn, nên trước phải tự tin rằng mình sẵn có bản tâm Vô thượng Đại giác để làm cơ sở cầu thành quả Phật. Rồi do tâm tự tín này mà tin có bậc Vô thượng Đại giác đã giác ngộ tất cả chơn lý. Chẳng như vậy, thì dầu cho chúng ta nghiên cứu tất cả học vấn cũng chỉ là vô nghĩa mà thôi.

Tin có bậc Vô thượng Đại giác, nên chúng ta cũng có thể thành Vô thượng Đại giác, do đây mà phát tâm Bồ-đề, thực hành tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện là:

- 1) Chúng sanh không số lượng, thệ nguyện đều độ hết.
- 2) Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch.
- 3) Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học.
- 4) Phật Đạo không gì hơn, thệ nguyện đều viên thành.

Do Tín mà thành Nguyện, ấy gọi là “THỬ CHÍ”; rộng tu phước huệ của Phật, ấy gọi là “PHỤNG ĐẠO”. Như thế mới có thể thành được Nhưật thiết trí, nên nói rằng “đạo kia rất lớn”.

Tự mình ra làm việc bố thí được phước rất lớn mà vui vẻ giúp người làm việc bố thí cũng được phước rất lớn.

Giúp người làm việc bố thí, chẳng khác nào tự mình có một cây đuốc đem phân ra vô số cây đuốc khác, mà cây đuốc của chính mình vẫn không suy giảm, không mất chút lửa nào, còn người bố thí được sự giúp đỡ, phước báu nơi bản thân chẳng những không mất mà còn thêm được sự tốt đẹp hơn lên.

*

* *

BÀI VIII

善飯戒洎如萬那，不十一支佛不修
 言一如五陀不千阿舍，飯飯辟諸佛無
 佛飯不飯須洎飯一那；如億世諸住
 。如千。一陀，飯阿漢不百三世無
 章不人者飯須舍如億羅，飯一三念。
 一百善戒如萬陀不一阿漢；飯億無者
 十人飯五不百斯舍飯一羅佛如千一之
 第惡，持萬飯一陀，飯阿支不飯飯證
 飯人一者，飯斯舍如億辟佛；如無

DỊCH NGHĨA

Bố thí độ (*tiếp theo*)

CHƯƠNG XI

Phật dạy rằng: Cho một trăm người ác ăn, không bằng cho một người lành ăn; cho một ngàn người lành ăn, không bằng cho một người trì ngũ giới ăn; cho một muôn (10.000) người trì ngũ giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn; cúng dường cho một trăm muôn (1.000.000) vị Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn; cúng dường cho một ngàn muôn (10.000.000) vị Tư-đà-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn; cúng dường cho một ức (100.000) vị A-na-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn; cúng dường cho mười ức (1.000.000) vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn; cúng dường cho một trăm ức (10.000.000) vị Bích Chi Phật ăn không bằng cúng dường cho một Tam Thế chư Phật ăn; cúng dường cho một ngàn ức (100.000.000) Tam Thế chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Vô Niệm Vô Trụ Vô Tu Vô Chứng ăn.

GIẢNG NGHĨA

Bích Chi Phật : (Pratyekabuddha): Còn gọi là Độc Giác hay Duyên Giác. Những vị ra đời gặp Phật y theo lời nói pháp của Phật quán 12 nhân duyên mà được ngộ đạo, thì gọi là Duyên Giác; còn những vị ra đời không gặp Phật, tự quán sát Lý sanh diệt của sự vật mà ngộ Đạo thì gọi là Độc Giác.

Tứ quả Thanh Văn : Tức là Tứ quả A-la-hán. Xin xem Thập Thiện, bài 6, phần giảng nghĩa của cùng soạn giả đã phát hành.

ĐẠI Ý

Chương này tiếp chương mười, nói về công đức hơn kém trong việc bố thí.

GIẢI THÍCH

Ngũ giới là giới thông cả tại gia và xuất gia. Tu-đà-hoàn chẳng những đã chuyên tu giới hạnh mà còn chúng được Thánh quả nên thắng Tư-đà-hàm đoạn được chút ít Tu sở đoạn hoặc, nên so với Tu-đà-hoàn cúng dường sẽ được công đức hơn. A-na-hàm đoạn được nhiều phần phiền não, nên cúng dường sẽ được phước hơn Tư-đà-hàm. A-la-hán đối với phiền não đã đoạn hết, nên hơn các bậc trước. Còn Bích Chi Phật vẫn được liễu thoát sanh tử trong ba cõi đồng với quả vị A-la-hán, nhưng A-la-hán đợi nghe Phật thuyết pháp mới được giác ngộ, còn Bích Chi Phật tự mình

cũng có thể ngộ, nên trí huệ lại hơn bậc A-la-hán. Nhưng Bích Chi Phật chỉ có thể độc giác mà không thể giác tha, còn Tam thế chư Phật mới thật có thể đem tâm Đại bi, bình đẳng độ khắp chúng sanh, nên chư Phật lại hơn hết, cúng dường sẽ được phước hơn cả.

Vô-niệm Vô-trụ Vô-tu Vô-chúng hơn chư Phật là vì tam thế chư Phật ứng hóa trong chúng sanh giới⁽¹⁾ cũng chỉ từ nơi Pháp thân chơn thật tức là “Vô vi chơn như tánh”. Vô vi chơn thật Pháp tánh là căn bản của chư Phật. Tất cả chư Phật đều dùng vô phân biệt trí mà chứng Pháp Vô vi bình đẳng. Pháp thân Vô vi không thể dùng trí suy nghĩ đến được, nó không trụ chỗ nào, không cần công tu mới có, cũng không cần chứng ngộ mới được. Trí vô lậu vô phân biệt lại cũng không bị sanh diệt, không dời đổi. Ấy là Chơn thân của Phật, tự tha bình đẳng, tức vô niệm vô trụ vô tu vô chúng, chính là Vô phân biệt trí, thân chúng Chơn như tánh rốt ráo thành Phật. Cúng dường như thế mới gọi là cứu cánh. Do đây chúng ta có thể biết trong Phật pháp, bất cứ pháp nào cũng đều phải đạt đến chỗ cứu cánh.

*

* *

⁽¹⁾ Ứng hoá thân ở trong chúng sanh giới gọi là Tam thế chư Phật.

DỊCH NGHĨA**CHƯƠNG XII**

Phật dạy rằng : Người ta có 20 điều khó:

- 1) Nghèo hèn Bồ thí là khó.
- 2) Giàu sang học Đạo là khó.
- 3) Bỏ thân mạng quyết chết là khó.
- 4) Thấy được Kinh Phật là khó.
- 5) Sanh nhằm đời có Phật là khó.
- 6) Nhịn sắc, nhịn dục là khó.
- 7) Thấy tốt không ham cầu là khó.
- 8) Bị nhục không giận tức là khó.
- 9) Có thể lực không ỷ là khó.
- 10) Gặp việc vô tâm là khó.
- 11) Học rộng nghiên cứu nhiều là khó.
- 12) Trừ diệt ngã mạn là khó.
- 13) Chẳng khinh người chưa học là khó.
- 14) Thực hành tâm bình đẳng là khó.
- 15) Chẳng nói sự phải quấy là khó.
- 16) Gặp được Thiện tri thức là khó.
- 17) Thấy tánh học đạo là khó.
- 18) Tùy duyên hóa độ người là khó.
- 19) Thấy cảnh không động tâm là khó.
- 20) Khéo biết phương tiện là khó.

GIẢNG NGHĨA

Nghiên cứu : Tìm tòi cho cùng nguyên lý.

Bình đẳng : Đối với sự sai biệt mà nói. Không có cao thấp, sâu cạn khác nhau, gọi là bình đẳng.

Thiện tri thức : Bạt tốt. Tri thức: Tri là biết được lòng ta; Thức là biết được tánh ta. Ở đây không phải chỉ những người học rộng hiểu nhiều, mà là những người làm cho ta được lợi ích, dẫn ta trên đường đạo. Thiện tri thức có ba:

1. NGOẠI HỘ THIỆN TRI THỨC

Những người giúp đỡ ta khỏi sợ thiếu thốn để được yên tâm tu học.

2. ĐỒNG HÀNH THIỆN TRI THỨC

Những bạn đồng tu, tha thiết nhắc nhở nhau trên đường đạo.

3. GIÁO THỌ THIỆN TRI THỨC

Những bậc đem lời giáo huấn của Đức Phật truyền dạy cho chúng ta bỏ dữ làm lành. Lại còn có 10 bậc Thiện tri thức:

- Thiện tri thức khiến chúng ta an trụ Tâm Bồ-đề.
- Thiện tri thức khiến chúng ta sanh trưởng Thiện căn.
- Thiện tri thức khiến chúng ta tu hành các Pháp Ba-la-mật.
- Thiện tri thức khiến chúng ta hiểu và nói tất cả Pháp.

- Thiện tri thức khiến chúng ta thành thực tất cả chúng sanh.
- Thiện tri thức khiến chúng ta được quyết định Biện tài.
- Thiện tri thức khiến chúng ta không nhiễm trước pháp thế gian.
- Thiện tri thức khiến chúng ta ở trong mọi kiếp tu hành không biết mỏi chán.
- Thiện tri thức khiến chúng ta an trụ nơi Hạnh của Đức Phổ Hiền.
- Thiện tri thức khiến chúng ta vào được tất cả trí Phật đã vào.

Phương tiện : (Upàya): Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng. Tiện dụng phương pháp đối với căn cơ tất cả chúng sanh. Lại “phương” là cái “Lý” vuông ngay, “tiện” là lời lẽ khéo léo. Lại “phương” là phương vực của chúng sanh, “tiện” là tiện pháp giáo hóa. Hiệp với phương vực của các căn cơ mà dùng tiện pháp giáo hóa gọi đó là phương tiện (nghĩa này đều thông cả đại thể Phật giáo). Đây đứng trên hai phương diện mà giải thích: 1) Đối với Bát-nhã. 2) Đối với chơn thật.

ĐỐI VỚI BÁT NHÃ : Thì Trí đạt được lý Chơn như là “Bát-nhã”, còn Trí thông được quyền đạo là “phương tiện”. Quyền đạo chính là cái phương pháp khôn khéo làm lợi ích mọi người, (đây là thông cả nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa).

ĐỐI VỚI CHƠN THẬT : Thì chỉ thú sở quy rốt ráo là “chơn thật”, còn giả thiết tạm bợ là “phương tiện”. Do nghĩa này mà phương tiện còn gọi là “Thiện xảo” hay “Thiện quyền” tức là pháp vào nơi chơn thật định thông suốt vậy. Nghĩa là lợi vật có quy tắc là “phương”, tùy thời mà thi thiết là “tiện”. Theo sự giải thích này, thì là cái cửa ngõ của Tiểu thừa vào Đại thừa, gọi đó là “Phương tiện giáo”. Tam thừa đều từ nơi Nhứt thừa mà lập nên cũng gọi đó (Tam thừa) là “Phương tiện giáo”. Nhưn đây mà người ta chia ra làm hai “phương tiện” và “chơn thật”.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật đưa ra những điều khó để khuyên cố gắng tu hành.

GIẢI THÍCH

Người thường cho điều khó là chướng việc tu hành, chẳng biết rằng: vì khó mới tu, chẳng tu thì không có điều nào là không khó, nên nói con người có hai mươi điều khó để khuyên tu. Làm được việc khó làm, thì tất cả sự khó về tu Giới, Định, Huệ và Đạo Bồ Tát đều chẳng có gì khó khăn vậy.

*

* *

BÀI X

b) 持戒度

第	十	三	章	。	沙	門	問
佛	以	何	因	緣	得	知	宿
命	？	其	至	道	？	佛	言
：	淨	心	守	志	，	可	至
道	。	譬	如	磨	鏡	，	去
明	存	，	斷	欲	無	求	當
得	宿	命	。				
第	十	四	章	。	沙	門	問
佛	何	者	為	善	？	何	者
最	大	佛	言	：	行	道	守
真	者	；	志	與	道	合	者
大	。						

DỊCH NGHĨA

b) Trì giới độ

CHƯƠNG XIII

Có vị Sa-môn hỏi Phật : Do nhân duyên gì biết được túc mạng ? Đến được chỗ chí Đạo?

Phật dạy rằng: “Lóng sạch tâm mình, giữ vững ý chí” đến được chí đạo. Thí như lau gương, trừ bụi còn lại ánh sáng. Dứt lòng tham dục không sự mong cầu sẽ được túc mạng.

CHƯƠNG XIV

Có vị Sa-môn hỏi Phật : Điều gì là lành? Thứ gì rất lớn? Phật dạy rằng: Thực hành theo Đạo, giữ điều chơn thật là “lành”, chí hiệp với Đạo là “lớn”.

GIẢNG NGHĨA

Túc mạng : Mạng sống nhiều kiếp về trước. Biết được mạng ấy từ vô thủy đến giờ theo nghiệp lưu chuyển gọi là “Tri túc mạng”. Tri túc mạng này còn được gọi là Túc mạng minh hay Túc mạng thông, tức là một trong Tam minh và Lục thông.

Chí đạo : Phật quả, do Trí huệ vô lậu chứng chơn thật Pháp tánh mà được.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói về Trì giới độ trong sáu độ, gồm có 2 phần:

1) Người cố gắng Trì giới pháp sẽ được đến chỗ “Chí đạo” và biết được “Túc mạng”.

2) Người Trì giới sẽ được gọi là “Thiện” và hiệp với “Đại đạo”.

GIẢI THÍCH

Hai chương này nói về Trì giới độ. Trì có hai nghĩa:

1) *Chỉ trì* : Người trì giới phải ngăn dứt tất cả các việc ác.

2) *Tác trì* : Chẳng những dứt các điều ác mà còn cần phải nỗ lực làm các điều lành.

Giới là Tín điều của tất cả Đức Hạnh, nếu ai có thể giữ tín điều này, làm những việc nên làm, dứt những việc nên dứt, gọi đó là Trì giới.

Giới pháp của Đại thừa có chia làm ba thứ gọi là Tam tụ giới:

1) *Nhiếp luật nghi giới* : Ngăn dứt các ác nghiệp.

2) *Nhiếp thiện pháp giới* : Tinh tấn tu hành tất cả Thiện pháp.

3) *Nhiều ích hữu tình giới* : Làm lợi ích cho chúng sanh trong mọi trường hợp, gọi đó là “Giới”. Vì bản ý của Giới Bồ Tát là ở chỗ y cứ Đồng thể Đại bi lợi lạc cho chúng sanh. Chẳng khác nào bàn đến sự lợi ích cho công chúng để làm quy tắc nhứt định.

Giới cũng gọi là “Biệt giải thoát”, nghĩa là sự giải thoát khác nhau, có riêng biệt. Vì đệ tử của Phật có chia làm nhiều hạng, sự giữ giới cũng chẳng đồng và được giải thoát cũng chẳng đồng, nên gọi là Biệt. Đối với Giới pháp, nếu ai giữ được giới nào thì được giải thoát về phần đó, cũng gọi là Biệt.

Ban sơ, người giữ giới in tuồng như miễn cưỡng, nhưng về sau do Giới sanh Định tự nhiên có thể dùng định lực ngăn dứt tất cả điều ác, tu các phúc lành, ấy gọi là “Định cộng giới”. Nếu lại y đó tu hành tiến tới để được đạo thì gọi là “Đạo cộng giới”. Vì “Đạo” vốn từ nơi Thánh trí Vô lậu, do giải thoát phiền não mà trí thanh tịnh được viên mãn, gọi đó là “Đạo”. Vì chúng ngộ được tất cả Pháp Vô vi Chơn như pháp tánh, nên gọi là “Bồ-đề”. Y nơi Thánh đạo Vô lậu này tự nhiên ngăn đón được tất cả ác hạnh, làm các Thiện hạnh, nên gọi là “Đạo cộng giới”.

Nói “lóng sạch tâm mình” tức là do Trì giới để dứt Nghiệp thất chi nơi thân và khẩu (thân có 3, khẩu có 4), thuần là do dứt ác làm lành mà tâm lóng sạch. Nhưng, người đời có làm lành mà không dứt ác, nên điều lành kia trở thành bất tịnh, vì các Nghiệp thất chi đều do tâm phát khởi, Bồ Tát ra làm y cứ nơi tâm mà làm. Phàm phu ra làm thì thứ lớp có ba giai đoạn: 1) Suy nghĩ, 2) Quyết định, 3) Phát động. Vì thế mà phàm phu ra làm đều do Ý phát sanh, còn Bồ Tát ra làm đều do Tâm làm chủ. Nên bề ngoài hình

như là phạm giới, mà bên trong, tâm vẫn Trì giới. Trái lại, tâm chẳng Trì giới tuy bề ngoài trì giới cũng không phải là trì giới. Giới của Đại thừa lấy tâm làm chủ nên gọi là “Tâm địa giới”. Thuận theo đây mà hành đạo có thể đến được “Chí đạo”.

Trong đây, gương là dụ cho bản tâm, bụi là dụ cho phiền não, lau là dụ cho Trì giới. Do trì giới pháp mà tẩy trừ được bụi phiền não, sạch được bản thân, mới biết tâm này bản lai sáng suốt, chẳng qua khi chưa khử trừ được trần cấu, nên bị che lấp không phát hiện, khi trần cấu được khử trừ thì thể sáng hiện ra. Đây là dụ cho Trí vô lậu Vô phân biệt của Bồ Tát hiện tiền. Cái Thể tịnh của gương tức bản tâm hiển hiện.

Câu: “Dứt lòng tham dục không sự mong cầu”: Trong đây, dục và tham ái hiệp nhau là bất thiện Vô ký tánh. Không mong tức là Vô nguyện giải thoát trong ba món giải thoát. (Ba món giải thoát: 1/ Không giải thoát. 2/ Vô tướng giải thoát. 3/ Vô nguyện giải thoát). Cũng gọi là Vô tác giải thoát, do giải thoát này mà được tức mạng gọi là “Đạo thông”, nghĩa là đạo cùng với thần thông hòa hiệp với nhau. Thông được tức mạng tức là đầy đủ sáu món Thần thông.

Nếu y theo ba món Vô lậu học, thì đây là Giới học tăng thượng, y giới này mà tinh tấn tu hành, tức là Định học tăng thượng. Định tăng thượng chính là

“Định cộng giới”. Huệ tăng thượng chính “Đạo cộng giới”.

Trong chương 14 nói “LỚN” chính là biệt danh của “Đạo” cũng tức là biệt danh của “Pháp tánh”, cũng tức là Chơn như vô thể của các pháp, vì thế mà “LỚN” đây dứt các sự đối đãi, tự nó có thể được Đại trí và Đại lực vô cùng tận.

Câu: “Thực hành theo Đạo, giữ điều chơn thật” tức là chỉ cho sự Hành trì Định cộng giới. Khi giới lực chưa đầy đủ, theo lời Phật nói thì sức hành trì chỉ là miễn cưỡng, vẫn chưa phải là “Chơn thiện”, khi được đến chỗ định lực kiên cố, không thối chuyển, ấy tức Định cộng giới, gọi đó là “Thực hành theo Đạo giữ điều chơn thật”.

Câu: “Chí hiệp với đạo” là: Tuy có “chí” rồi, nhưng vẫn chưa có Đại đức, Đại trí và Đại lực, giờ cần phải tương ưng với “Vô lậu Thánh đạo”, nên gọi là “rất lớn”. Ấy tức là “Đạo cộng giới” vậy.

*

* *

BÀI XI

c) 忍辱度

第十五章。沙門問
 佛：何者多力？何者
 最明？佛言：忍辱多
 力，不懷惡故，兼加必
 安，健；忍者無惡，盡
 為淨。無未。瑕有。穢，是逮，為於無，最今日不有
 。未十方無，得一切智可謂
 ，見不明矣。

DỊCH NGHĨA

c) Nhẫn nhục độ

CHƯƠNG XV

Sa-môn hỏi Phật : Những gì rất mạnh ? Những gì rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục là rất mạnh, vì chẳng ôm lòng ác, lại thêm an kiện. Kẻ nhẫn nhục không làm ác, tất được người tôn quý. Tâm cấu diệt hết, sạch không còn vết nhơ, ấy là rất sáng. Bao nhiêu sự vật trong mười phương, từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, không có vật nào là không thấy, không có điều gì là không biết, không có việc gì là không nghe, được Nhứt thiết trí có thể gọi là rất sáng vậy.

GIẢNG NGHĨA

Nhứt thiết trí : Trí của Thanh Văn, Duyên Giác, biết được tổng tướng (pháp tánh) của tất cả pháp. Tổng tướng tức là tướng “Không”.

Nhẫn nhục (Ksanti) : Chịu đựng trước những cảnh ngang trái do kẻ khác đưa đến. Người tu Nhẫn nhục, suy nghĩ được đẹp dễ. Ba mươi hai tướng của Đức Phật cũng do tu hạnh Nhẫn nhục mà thành tựu.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật nói người tu Nhẫn nhục tâm sẽ được định lực và Nhứt thiết trí.

GIẢI THÍCH

“Rất mạnh” thì có thể lay chuyển được ngoại cảnh mà không bị ngoại cảnh làm lay chuyển. Đức Phật mới là Người mạnh đủ 10 lực tôn quý. Trong đây nói “rất sáng” chính là chỉ cho Tam minh, tức là “Tam đạt trí”. (Ở quả vị Phật thì gọi là Tam đạt, còn quả vị La hán thì gọi là Tam minh: 1) Túc mạng minh, 2) Thiên nhãn minh, 3) Lộ tận minh).

Người Nhẫn nhục đối với việc trái ngược không đem lòng giận tức mà đối lại. Ở đây nói không phải gặp nghịch cảnh thân không làm, miệng không nói là đủ, nghĩa là phải luôn luôn thể theo lòng từ mẫn mà hành động, không bị nghịch cảnh lay chuyển thì các ác tự tiêu. Chẳng khác nào lửa cháy trong không khí, khi củi hết, lửa tự tắt, hư không không bị hủy hoại. Thế nên, người Nhẫn nhục có thể cảm hóa được mọi người ác.

Xưa Phật tu Bồ Tát hạnh, bị Vua Ca Lợi chặt đứt thân thể của Ngài, thế mà vì lòng Từ mẫn, Bồ Tát vẫn vui vẻ, lại phát nguyện độ cho bọn ông ta trước nhứt. Ấy chính là bọn ông Kiều Trần Như sau này vậy.

Nếu ai giữ vững được Tâm nhẫn nhục, tức nhiên không còn bị mọi vật xâm phạm. Bình thường, tâm tham dục cùng với ngoại cảnh hiệp nhau, vì có tâm tham dục mà giận hờn tranh chấp nổi lên, rồi xúc phạm tiêu diệt lẫn nhau. Khí lực vì thế mà hao mòn.

Chẳng khác nào người vẫn sẵn có sức lực làm nên đại sự, nhưng vì lo đối địch với nghịch đảng, mỗi ngày mỗi tận dụng nên lần lần bị tiêu hao, rốt cuộc, hai bên chẳng làm được điều gì. Người nhẫn nhục khí lực của mình sẽ được ngày một tăng trưởng, có thể làm cho tâm cảnh dung nhau bình đẳng. Khi tâm cấu diệt hết rồi, ấy là “rất sáng”.

Khi phiền não dứt hết, bấy giờ tâm tánh chẳng khác nào như gương sáng, như nước trong, như trăng thanh có thể chiếu soi tất cả sự vật. Nên trong văn Kinh nói “Không có vật nào là không thấy, không có điều gì là không biết...”.

Câu: “Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay”, thông thường trong Kinh Phật gọi là ba đời. Nhưng vì ban sơ Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, theo văn pháp của Trung Quốc, không nói là “ba đời” mà lại nói là “từ khi chưa có trời đất”.

Khi được Như thiết trí, thì đối với tất cả pháp đều thấy biết rõ ràng, có thể chứng đến quả vị Phật tức là được Vô thượng Như thiết trí vậy.

*

* *